

Phụ-nữ Tân-văn

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM



Phân sơn tô diêm sơn-hà
Làm cho rõ mặt đàn-bà nước Nam.

TÒA BÁO

(RÉDACTION ET ADMINISTRATION)

Nº 42 - Rue Catinat - Nº 42

SAIGON

VIỆT-NAM NGÂN-HÀNG

Công-tý hữu hạn vốn 250 ngàn đồng

54 & 56, đường Pellerin SAIGON Chi nhánh: VINH LONG

Dãy thép nói số 748

Tên dãy thép tắt: CRÉDITANA

— Nhận lãnh tiền gửi không hạn kỳ kêu là « Comptes Courants de chèques » bằng bạc Đông-Pháp hay là tiền quan Langsa, sanh lời 4 phần trăm (4%) mỗi năm.

— Nhận lãnh tiền gửi vô số « TIẾT-KIỆM » bằng bạc Đông-Pháp hay là tiền quan Langsa, sanh lời 5 phần trăm (5%) mỗi năm. Số này để cho người tiện lợi. Rút ra khỏi phải cho hay trước và chờ đợi lâu. Gửi vô bao nhiêu cũng nhận.

— Nhận lãnh tiền gửi có hạn kỳ kêu là « Dépôts à Termes » cho lời 6 phần trăm (6%) mỗi năm, nếu gửi một năm trọn. Khi hữu sự xin rút ra trước hạn kỳ cũng được, nhưng mà tiền lời mất 4 phần trăm (4%) mỗi năm, cũng như học gửi không hạn kỳ vậy. Tính từ ngày gửi cho tới bữa rút ra.

— Mua bán Ngân-phí (chèques) và lãnh tiền qua Đại-Pháp theo tàu thơ hay là bằng dây thép.

— Cho vay để giúp học sinh muốn đi học thêm bên Pháp hay là Ngoại-quốc (Về cách thức cho vay, xin qui Đồng-bào đến thương nghị với Việt-Nam Ngân-hàng).

— Cho vay có người đứng bảo lãnh chắc chắn và có đồ bảo chứng hiện tại đó.

— Cho vay ở ngoại-quốc về hàng hóa nhập cảng.

Công-tý VIỆT-NAM NGÂN-HÀNG sẵn lòng mà chỉ cho qui đồng-bào biết rõ về công việc Nhà băng hay là hàng buôn

HUYNH-DINH-KHIEM, Danh dự Hội-trưởng.

TRAN-TRINH-TRACH * Phó Danh-dự Hội-trưởng.

TRƯƠNG-TAN-VI * Chánh Hội-trưởng, Bàn Trị-sự.

NGUYỄN-TAN-VAN, Quản-lý Hành-sự.

NGÔ-TRUNG-TINH, Docteur TRAN-NHƯ-LAN, P. NGUYỄN-VAN-THOM, NGUYỄN-HỮU-DO và VO-HA-TRI, Quản-lý.

Pháp-định Tổng-lý P. LÊ-VĂN-GỒNG

ĐÓNG GIẤY
LÀM NÓN
BÁN REN
HÀNG THÊU

▼
KHÁC CON DẤU
CHẠM BẰNG DẤ
BẰNG ĐỒNG

NGUYỄN-CHI-HOÀ

83, Rue Catinal

— SAIGON —

— TELEPHONE 798 —

THANG-LONG

20, rue Sabourain - SAIGON

NÓN CASQUE
TRANH THÊU
GỖI THÊU
GHẾ XÍCH ĐU
GHẾ THONET
GIÀY ĐÀN ĐÀ
KHĂN CHOÀNG
NÓN ÁO CON NÍT
DẦU TỪ-ĐI
PHIMA PHIMA

20, rue Sabourain - SAIGON

THANG - LONG

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

3

MỚI RA ĐỜI

Quý ông Điền chủ, Nghiệp chủ, Thương-gia Hương-chức thông hay làm các thứ giấy tờ này kia thì nên mua một cuốn:

TỪ-HÀN BỒN-QUỐC

của ông LE-QUANG-GIÁP

Cựu Đại-thơ Nô te đã dày công soạn ra.

Trong cuốn sách này có đủ kiểu thơ từ, đơn trạng từ chúc bầm về bồn-phận làm làng, từ có, từ mượn từ mua bán, bán ruộng, từ tự thuận, từ giao kèo, từ tông-chi, từ hội bồn-tộc, từ tương phần, từ thuận phần gia tài, từ di-chức, từ giao quyền cho người khác, từ vay, từ thực ruộng, vườn đất, từ chuyển thực, v. v. Nói tóm lại thì cuốn sách này là một người ký-lục giỏi, thông thạo việc hình, việc hộ, việc bố biểu làm các thứ giấy tờ gì đều làm đúng đúng theo pháp luật.

Sách dày hơn 200 trang, bìa cứng, giá bán 1\$20 một cuốn, xin do nơi nhà in và nhà bán sách J. Nguyễn văn-Việt, 85-87 rue d'Ormay Saigon.

Nota — Mua sỉ về bán lại từ 10 cuốn sắp lên huê hồng 30 l., từ 50 cuốn sắp lên huê hồng 40 l.

RƯỢU BÒ HIỆU

MAUBAR

Trong những rượu bò mà thiện hạ hảo nhất thì có thể rượu bò MAUBAR là tốt, bán được nhiều hơn hết và Annam ưa dùng.

Rượu đó chế bằng rượu nho thượng hạng ở tại PHÁP QUỐC, có nhiều chất bổ, nó làm cho những người uống được đó da nở thịt, trí hóa thông minh, thêm sức mạnh, vai vẻ luôn luôn.

Thật là một thứ thuốc hay và bảo chế kỹ, không có giống những rượu khai vị khác bán trong mấy tiệm tạp hóa; vì rượu đó là những người không có học cách chế biến mà chế ra.

Những người làm việc, học hành, thể thao, những dân bà nằm bếp, nên uống rượu bò MAUBAR. Bỏ đi uống rồi thì phải ra, vì rượu đó uống ngon lắm.

Mỗi ve lít (có một hạm) giá 2\$20

Grande Pharmacie de France

84-90, đường d'Ormay — SAIGON

Các ngài hãy dùng rượu SÂM-BANH MUMM

thì các ngài sẽ được vừa ý.

Sọc đỏ (Cordon Rouge) thiết gát

Hai sọc (Double Cordon) gát

Sọc xanh (Cordon Vert) hơi gát

Nhàn trắng (Carte Blanche)

ngọt

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

C^o OPTORG

SAIGON

CÁC CÔ! CÁC BÀ!

Cha chà! Chừng em của

các cô các bà biết nói, thì

các cô các bà sẽ dạy bảo

thè nào? Sẽ biểu ăn uống

thức gì?

Có phải là biểu chúng nó

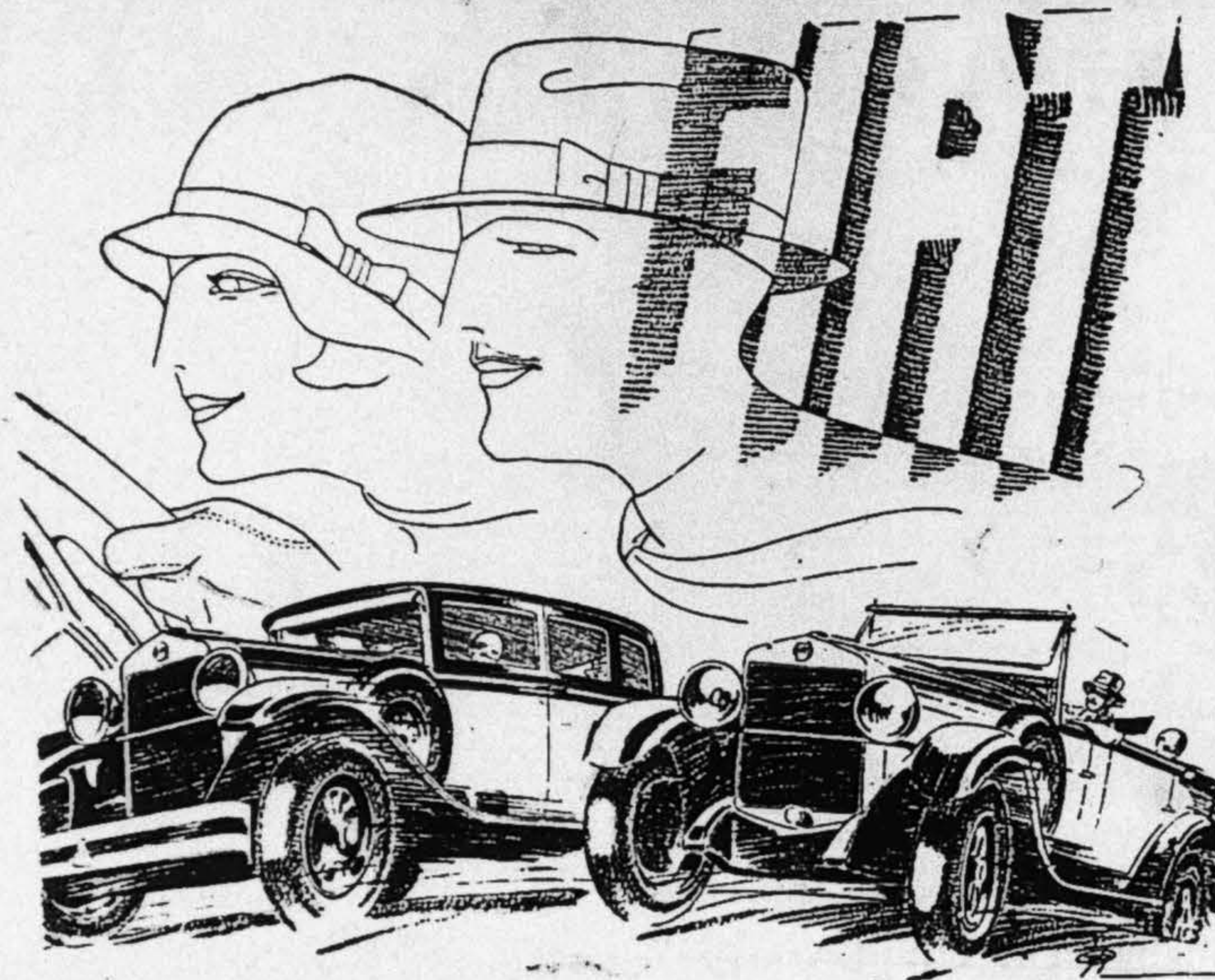
ăn dùng rờng rá một thứ

sữa đặc NESTLÉ chẳng?

Ồi! Con hời con hời!

..... Uống sữa NESTLÉ.

Cấm trích lục các bài vở đăng trong Phụ-nữ Tân-văn mà in làm sách
(DROIT DE REPRODUCTION RÉSERVÉS)



Kiểu Berline xinh đẹp số 509, 4 chỗ ngồi,
7 ngựa — Kiểu Torpédo rộng rãi số 521,
7 chỗ ngồi, 6 cylindres 15 ngựa — Kiểu
Torpédo máy mạnh số 525, 7 chỗ
ngồi, 18 ngựa và nhiều kiểu
nhiều hạng mới, năm 1930
giá từ 2.200 tới 14.000 \$

Hãng xe hơi FIAT, 62 đường Testard, Tél. 177 ;
(có đủ đồ phụ tùng)
Hãng BRUN, đường Charner SAIGON
Hãng ASTELLO PNOM-PENH
Hãng AVIAT HANOI
và Hãng StéINDUSTRIELLE D'INDOCHINE

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

Tiền bạc và thơ từ xin gửi cho :
M^{re} NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN
CHỦ-NHIỆM
42, Rue Catinal -:- SAIGON
Téléphone N^o 566

SÁNG-LẬP
M^{re} NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN
N^o 77 -:- 6 NOVEMBRE 1930

GIÁ BẢO :
Một năm 6\$00 -:- Sáu tháng 3\$50
Ba tháng 1\$80
Mua báo phải trả tiền trước
Adresse Télég. : PHUNUTANVAN-SAIGON

MỤC LỤC

- | | |
|---|---|
| 1 ^o Vấn-đề : Đồng su cho học-sanh. | 9 ^o Phép làm văn — PHAN-KHÔI. |
| 2 ^o Ý-kiến đối với Thời-sự. | 10 ^o Chuyện vật phương Tây. |
| 3 ^o Muốn cho Phụ-nữ ta có đường tự lập... | 11 ^o Văn-Uyển. Ngồi lê đôi mách. |
| 4 ^o Việc ông Quang-Chiều đã sáng tỏ rồi... | 12 ^o Bài của V.N.N.H. cây đàng. |
| 5 ^o Một vấn-đề thiết-yếu : Xấu Thuế. | 13 ^o Khon-học tân văn. |
| 6 ^o Ta với Mọi — NGUYỄN-ĐỨC-QUYNH. | 14 ^o Việc trong nước gần đây. |
| 7 ^o Một đóa hoa hương nước Pháp. | 15 ^o Mảnh trăng thu. |
| 8 ^o Đàn-bà Tàu. Phần thưởng Đức-Hạnh | 16 ^o Phần-nhi-đồng. |

Thêm mấy ý-kiến về vấn-đề ĐỒNG SU CHO HỌC-SANH NGHÈO

Mấy lời tâm-huyết ngỏ cùng chư độc-giả Phụ-Nữ Tân-Văn
và các nhà hảo-tâm trong nước

Anh em chị em đồng-chí !

Tôi còn mong anh em chị em !

Ái có người quen biết thân thiết với mình mà là những người tư-bổn phú-hào, xưa nay vẫn có từ tâm, thời mình nên đem cái tôn-chỉ rất cao-xa kia mà bày tỏ và khuyến khích để các ông ấy giúp sức cho. Thường tình, vẫn lắm người bốn tâm không muốn làm việc nghĩa, nhưng hay vì lời khuyên của anh em, hoặc thấy người hô hào rồi cũng nong tri mà làm theo. Vậy thời sự này thành hiệu hay không, chỉ nhờ ở một tấm nhiệt-thành với ba tấc lưỡi của mình vậy.

Anh em chị em ! Vì nào giàu bằng-tâm mà ít bằng-sản, cũng có thể bớt ra những món xài vật như nhện miếng trâu điều thuốc, tom góp từng

đồng su mà bỏ vào một cái hộp kín. Cũng phải để những chữ rất cảm động ở ngoài như : « Tiền giúp cho anh em học-sanh nghèo, để gây lấy nhân-tài cho nước ». Làm thế là lấy cái mãnh-lực văn-tự mà dẫn dụ mình, làm động cái lương-tâm mình, khiến cho mình dần dần gặp khi túng thiếu cũng không nỡ phá ra mà xài. Tốt hơn là ở các nhà đông người, anh em khuyến khích nhau mà làm thì mau có hiệu.

Anh em chị em ! Ai người từ thiện, muốn cho học-bổng mà ở tại chốn thôn-quê vắng vẻ, hoặc tại nơi không có bạn đồng-chí, mình không thể chung góp được cùng ai, số tiền lại có ít, chẳng đủ mua mandat hoặc không tiện mua, thì mình nên gửi giúp học-bổng bằng cô dân thơ.

Đừng tưởng rằng cho như thế là nhỏ nhất, « Tích tiểu thành đại », nếu nhiều người làm thế lâu rồi cũng được một số tiền to.

Điều này tôi lại phải nói: xưa nay có nhiều người có từ-tâm muốn giúp các việc công ích, nhưng cứ e rằng số tiền của mình giúp chẳng là bao. Sự e như thế là lầm. Theo ý tôi nghĩ, thì mình tuy của ít mà lòng nhiều, trong việc nghĩa dầu một đồng su cũng lớn. Một đồng su cũng phải do công sức mình làm ra thì mới có mà! Làm nhà từ-thiện vô-danh, thời đồng tiền dầu nhỏ, nhưng cái thành tâm của mình thật là to! Tâm lòng ấy lại chẳng đáng quý hơn là những người quăng cả ngàn cả trăm ra mà làm phước giữa trời để mong lấy bội-tinh, lấy phẩm-hạng hay sao? Và lại, việc thực-hành đồng su cho học-sanh nghèo này cốt là xin ít để nhiều người có thể cho, rồi gom góp từng su nhỏ ấy lại mà thành ra nhiều; vậy thời người cho một đồng su là hạng người đáng trông cậy hơn hết. Quốc-dân ta nào có giàu gì, mà bảo ai cũng giúp được nhiều? Đồng su từ-thiện của quốc-dân mà quý bằng ngàn vàng của nhà tư bản, chứ chẳng phải là thường đâu!

Việc thực hành đồng su cho học-sanh nghèo còn có người e rằng sẽ có kẻ lợi dụng nó mà mưu lợi riêng. Tôi tưởng cũng chẳng nên quá lo xa, các nhà hảo tâm nên để con mắt mà xét tư cách người đứng chủ-trương, nếu thấy họ là thành thiệt, thời nên tin cậy, chứ ở đời mà cứ ngờ nhau hoài thời có làm chung được việc gì.

Song ở các tòa các sở, những ai đã vì anh em học-sanh nghèo mà đứng lên quyền giúp cho học-bổng, nếu muốn cho người ta khỏi có lòng nghi ngờ, thời chẳng những khi gọi tiền phải cho người ta biết, mà ai quyền nhiều ít cũng phải biên tên cần thận, rồi sau cộng lại cho được phân minh. Miễn là sau đừng làm rồi mất người coi trên cái bảng danh-sách các nhà từ-thiện là được.

Quý báo Phụ-nữ Tân-văn! Sau đây tôi có mấy lời kính ngỏ cùng quý báo: Ở các nơi đó hội có nhiều độc-giã, quý báo nên mời ít vị có công tâm làm đại-biểu, để hoặc khi có một nhà buôn hay

một hội-xã nào thực-hành được việc đồng su cho học-sanh nghèo, thì người chủ-trương sẽ có thể liên mời đến chứng kiến ngày công-khai những cái hộp tiền quyền. Làm thế cốt để ngăn ngừa các lời thị-phi, và cốt để tỏ ra sự quang minh cho bạn đồng-chí được yên bụng. Việc ấy tưởng cũng là việc cần nên làm ngay.

Nên mở một tòa tu-thơ, cũng theo đuổi một mục-dịch như trên, để quốc dân được thêm một cơ-quan khai tri, học-bổng được thêm nhiều tiền.

Gây lấy một đoàn-thể để tiện hằng năm mở cuộc hát, cuộc chớp bóng, đá banh v. v. lấy tiền giúp vào học-bổng.

Nên mở một trung cầu ý-kiến các nhà hữu-tâm với xã-hội, để giải quyết cái vấn-đề « Đồng-su cho học-sanh nghèo ». Xem ai có cách nào có thể thi-hành được thì gom góp nhiều ý-kiến lại, chắt chắt có điều bổ-ích cho vấn-đề này.

Phần tôi, thân tâm mang lấy nợ đau, ngồi bút sắt chẳng qua vì phạm-sự. Anh em, chị em! Những cách tôi nói trên đây có lẽ cũng không mấy khác phương-pháp của các nhà chủ-trương. Bất quá tôi chỉ giải rõ ra và thêm chút ngu kiến vào, mong rằng lý-thuyết sẽ giúp được cho sự thực-hành trong muôn một.

Hỏi các vị hảo-tâm, hỏi các bạn đồng-chí! Nếu ta đã nhìn thấy việc này là quan-hệ cho tiền đồ tổ-quốc ta mai sau, thì ta không nên lãnh-dạm. Lãnh-dạm với việc công-ích này há chẳng phải là tá lãnh-dạm với ta ư? Đành rằng ta không thể trông cậy ở sự hi-sanh của toàn thể quốc-dân, nhưng không lẽ lại không mong được ở các nhà từ-thiện trong các hội-xã các đoàn-thể nào, do một số bạn đồng-chí đứng lên chủ-trương hay sao? Tôi tưởng việc đó chẳng có gì là khó làm cho lắm, miễn là có thành-tâm và biết tùy trường-hợp mà tìm cách thi-hành.

Phải có lòng chân-thành mới được, nếu không có lòng chân-thành thời việc gì cũng khó nên. Ai đã là bạn đồng-chí của Phụ-nữ Tân-văn thời chắc cũng chung một tấm lòng hoài-bão như ai. Con thuyền xa bến, cổ công chèo cũng phải tới nơi. Anh em, chị em! Chúng ta nghĩ sao đây? nghĩ sao đây?

PHẠM-MINH-THƯỜNG

Nhơn vì lễ Các Thánh 1^{er} Novembre và lễ Đình-Chiến 11 Novembre, hai lễ kế tiếp nhau, ấn-công nghỉ trót tuần, bản-báo dầu muốn xuất-bản cũng không thể được nên kỳ báo ngày thứ năm 13 Novembre 1930 đành phải nghỉ.

Vậy số báo 78 đáng lẽ ra ngày 13 Novembre 1930 thì đến ngày 20 Novembre 1930 mới ra. Xin độc-giã nhớ cho.

Sự nghỉ một kỳ này là sự cực chẳng đã, không phải tại nơi bản-báo, mong rằng các bạn lượng xét mà miễn chấp cho.



Ý-KIỆN CỦA CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI THỜI-SỰ

Một cái ý-kiến

về kỹ-luật trường tư

Số báo 73, chúng tôi có viết một bài xã-luận, bàn rằng các trường tư ở đây, nên liên-lạc với nhau, lập ra một cái kỹ-luật chung vừa là để bình-vực lợi-quyền của ông chủ trường, vừa là để đối-phó với những học-sanh biếng nhác cứng cỏi. Chúng tôi nói vậy, là vì thấy cái nghề « bán cháo cho học-trò » đã thành ra một mối ganh nhau, mà ganh nhau bằng một cách xấu chơi; ví dụ trường này giựt thầy giáo và dụ học-trò trường kia, thường khi xây chuyện bãi học, cũng chỉ vì đó. Huống chi học trò trường tư, phần đông là con nhà giàu, được cha mẹ cho nhiều tiền bạc; mấy cậu sẵn tiền đó, đêm leo tường ra ngoài chơi bời, trường có hay mà rầy la mấy cậu thì mấy cậu cự lại, hoặc rầy anh em bãi học hoặc bỏ mà qua trường khác. Bây giờ cách trường tư đón rước học trò còn tệ hơn là sự bắt mối xe hơi, bởi vậy học-trò bị đuổi trường này, là qua trường khác được liền. Nếu có biếng nhác chơi bời mà bị trường khác đuổi, thì lại qua trường khác nữa. Đó là cái hại cho việc thanh-niên giáo-dục.

Nếu như các trường tư có đoàn thể với nhau, không ai dung-những cậu học-sanh ham chơi, biếng nhác, cậu nào bị đuổi ở trường này rồi thì không có thể qua học trường kia được nữa; như vậy, thì chẳng những có lợi cho sự giáo-dục, mà các cậu học-sanh đều phải tuân theo kỹ-luật nhà trường và giữ chỗ học, chứ không dám ý thế « học đâu cũng được » mà tha hồ phóng-tung như bây giờ.

Các ông chủ trường tư cần phải có nghiệp-đoàn là thế.

Song còn về phần học-sanh thì sao? Ví dụ gặp lúc trường đuổi học-sanh một cách bất-công, thì chẳng hóa ra oan uổng cho học-sanh, và làm hại cho họ không có trường nào học-tập nữa sao?

Đó là một vấn-đề, chúng tôi đang còn suy nghĩ thì vừa may có một bạn học-sanh trường tư bày

lò ý-kiến như sau này, chúng tôi cho là cái ý-kiến nên thi-hành lắm.

VÀI LỜI NÓI THÊM VỀ VẤN-ĐỀ « CÁC TRƯỜNG TƯ NÊN KẾT ĐOÀN-THỂ VỚI NHAU »

« Trong Phụ-nữ Tân-văn số 73, quí-báo có bàn về vấn-đề các trường tư-học nên kết đoàn-thể; đại-khải muốn cho các ông chủ trường tư lập hội nghiệp-đoàn (syndicat), vừa là để bình-vực quyền lợi cho nhau, vừa là để lo liệu cho sự giáo-dục được đúng đắn, nghiêm kỹ-luật nhà trường, khiến cho học-trò biết lo bổn phận mình mà chăm học. Nếu trò nào bị đuổi thì không được học trường khác.

« Cái ý-kiến ấy thật hay, tôi đây hết sức tán thành, vì làm như vậy thì nền giáo-huấn sẽ được tốt đẹp thêm và cũng có phần ích lợi cho các ông chủ trường tư nữa.

« Nhưng trong anh em có nhiều người cho làm như thế thì có hại đến anh em, vì sao? Vì ở các trường tư, không phải như trường nhà nước, quyền sửa phạt chỉ do một tay ông chủ trường. Nếu một anh học trò nào bị đuổi « oan », hay là « anh đó có làm một cái lỗi nhỏ không đáng đuổi » mà bị đuổi, thì có phải hại đến một đời anh « đó chẳng? Vì trường đâu mà học nữa? Như trong một trường ta kia có một anh học trò nói « bởi có hai tiếng « làm biếng », một thầy giáo « nghe được, vì muốn tấn công nên lên nói với ông « đốc, rồi anh học-trò đó bị đuổi. Đuổi như vậy có đáng không? Nên đuổi hay là chỉ nên phạt thôi? »

« Theo ý tôi tưởng, muốn cho nghiêm kỹ-luật nhà trường và muốn cho học trò không phạm nản về nỗi bị đuổi oan, thì mỗi trường tư nên lập một hội nghiêm-giới « Conseil de discipline » (vì tôi thấy ở Saigon này không có trường tư nào có hội nghiêm-giới)

« Khi nào có trò nào làm lỗi chi thì nhờ có hội « nghiêm-giới lấy sự công-bằng mà xử đoán. Nếu

« bản hội nghiêm-giới xử đuổi thì từ nhiên trở đó
« đáng bị đuổi, không nói chỉ dặng.

« Ý ngu tôi nghĩ như thế, vậy các ông chữ và anh
« em trường tư nghĩ sao ?

Học-sanh trường tư
THÁI-VĂN-KIM

Phụ-nữ ta với cuộc

tuyển-cử Thương-mãi

Nhơn vì kỳ tuyển-cử Hội-đồng Thương-mãi ngày 13 Novembre tới đây, trong bạn phụ-nữ ta, có nhiều chị em được quyền bỏ thăm, nên chúng tôi muốn bày tỏ ý-kiến chúng tôi với các bạn nữ-lưu có quyền tuyển-cử.

Chị em ta không nên khinh thường việc tuyển-cử phòng Thương-mại, và cần hơn hết là chớ nên khinh-thường lá thăm của mình.

Để rồi chúng tôi sẽ có bài riêng, nói về sự tổ-chức và sự hành-dộng của phòng Thương-mãi là một cơ-quan gì, mà ngày nay nước nào cũng có, thành thị nào cũng có. Đây chúng tôi xin nói tóm tắt rằng phòng Thương-mãi là một cơ-quan, trong thì bình vực nền công-thương nội-địa, ngoài thì giao-thiệp với thị-trường hoàn-cầu; chính chỗ đó người ta bày ra thuế này hay là giảm thuế kia, kiểm mỗi hàng này hay là bán mỗi hàng khác. Nói cho gọn gàng hơn thì phòng Thương-mãi là một chỗ chuyên lo mở mang, bình vực, thông-lin, chỉ dẫn mọi việc có quan-hệ đến cuộc mua bán cho người ta vậy. Ví dụ ta muốn mua thứ hàng gì của ngoại-quốc, nhưng ta không biết mua ở đâu, thì phòng Thương-mãi chỉ chỗ cho mà mua, hay là có vật-liệu gì muốn bán, mà không biết xử nào tiêu-thụ, thì cũng phòng Thương-mãi bày đường chỉ lối cho.

Phòng Thương-Mãi ở xứ ta còn có chỗ quan-hệ hơn các nơi khác, là vì ở xứ ta có hai cái quyền lợi trong thương-trường có quyền-lợi buôn bán của người Lang-sa, có quyền-lợi buôn bán của người bản-xứ. Hai quyền-lợi ấy vẫn đi với nhau, nương dựa nhau, nhưng cũng có khi nó trái nhau. Ví dụ như gần đây, có cái nghị tăng thuế hàng tơ lụa Tàu nhập cảng để bình vực cho hàng tơ lụa Lyon; nhưng thuế này người xứ mình ưa dùng hàng tơ lụa Tàu, vậy từ đây sẽ phải mua mắc hơn trước. Lại ví dụ như mới rồi Đại-hội-đồng Kinh-tế đã định tăng thuế xuất-cảng lúa gạo lên 45%, như thế thì sẽ có ảnh-hưởng cho sự bán lúa gạo ra ngoài, mà giá lúa gạo trong xứ phải sụt.

Đại-khái những quyền-lợi buôn bán trong xứ này, có lúc bị thiệt thòi như thế, thì lại là những

người đại-biểu cho ta trong phòng Thương-mãi, tuy không được bằng số thăm của người Lang-sa, nhưng cũng phải biết bản tính, lo liệu, bình-vực cho ta mới được.

Bởi vậy, sự lựa chọn lấy đại-biểu, cần phải cẩn thận. Làm sao lựa chọn được người có kiến-thức rộng rãi, dùng dẫn về những mảnh lời bán buôn, tính-hình kinh-tế; lại phải thạo tiếng Lang-sa để những khi ra nghị-trường bàn bạc vấn-đề gì, thì mình có đủ tiếng nói để bày tỏ ý-kiến của mình với đại-biểu Lang-sa, và có khi tranh-luận với họ về vấn-đề gì có thiệt hại cho quyền-lợi mình.

Xứng đáng là nghị-viên thương-mãi có hai điều cần :

1°— Thông thạo việc buôn bán trong xứ.

2°— Phải nói tiếng lang-sa cho khá.

Các nhà cử-tri cứ lựa người nào có tư-cách như thế hãy nên bầu, bằng không thì thôi, chớ làm như mấy lần trước, bầu những người vào đó mà ngồi làm thỉnh, hay mỗi điều gì cũng « gặt đầu » cả, thì có sự hiềm-nghèo cho quyền-lợi của mình lắm.

Ta đã có lá thăm đi cử người thay mặt cho ta, thì ta phải quý lá thăm; đến ngày tuyển-cử, ta phải chịu khó đi bỏ lá, tức là ta làm một phận sự vậy. Hồi này gần tới kỳ tuyển-cử, chúng tôi thấy một hai nhà tuyển-cử cho người đi dạo từng nhà, năn nỉ, dỗ dành, có khi lại hăm dọa người ta để lấy lá thăm. Đó là một cách bất chánh, ta chớ nên làm. Ta có lá thăm, tự ta có quyền muốn cho ai thì cho, đừng giao cho ai, hay là để cho năn nỉ hay là gạt lấy của mình. Những kẻ đi « ăn mỳ », đi « mót » thăm, không xứng đáng làm đại-biểu cho ta đâu.

Chị em ta, có quyền tuyển-cử thương-mãi, nên coi là phận sự, là điều vẻ vang, ta hãy lo làm cho tròn phận-sự ấy đi, rồi khi có những phận-sự công-dân khác thì mới làm được.

Bởi vậy, chúng tôi khuyên các bà các cô có quyền bỏ thăm phòng Thương-mãi, nên tự đi mà bỏ thăm. Còn các bà các cô nào có cha, anh, chồng, con, có quyền ấy, thì ta cũng nên khuyên làm cho tròn phận-sự, chớ đừng vì tình hay là vì lợi, cứ làm những người không có tư-cách vào nghị-trường, thì không khác gì trao con dao bén cho họ, để họ đâm ta.

Thư nức từ bữa nay cho tới ngày đầu phiếu, có ai tới năn nỉ dỗ dành xin thăm ta mà coi không đủ tư-cách, thì ta đuổi họ ra, mà nói rằng : « phận sự ấy của tôi, tôi sẽ làm lấy »

MỘT Ý-KIỆN RẤT HAY

Muốn cho Phụ-nữ có đường tự lập ta nên sớm lập trường Nữ-công

Lâu nay trong các báo thường thấy, bàn về vấn-đề giải-phóng phụ-nữ. Kể bàn vậy người bàn khác, song tóm lại chẳng qua là mưu đường tự-lập cho hạng phụ-nữ, vì lẽ phụ-nữ tự lập được rồi thì tất nhiên khỏi ăn nhờ năm nhờ cha mẹ, chồng con; đến thời kỳ khôn lớn tức là có thể thân tự-lập thân, một mình đứng vững ở đời cũng như như tu mi nam tử vậy. Ngoài điều lợi thuộc về cá-nhơn ấy thì phụ-nữ còn có ích cho xã-hội nữa, vì nếu có đường tự-lập thì tất nhiên cũng gánh vác được một phần công-việc xây dựng đắp móng trong xã hội, tức là giúp cho nền kinh-tế hay là mỹ-thuật được thêm vững bền đẹp đẽ. Sau hết lại trừ được cái mối tệ của kẻ ăn dung ngồi rồi, sanh buồn nên phải kiếm đường tiêu-khiển.

Trong các bài bàn về phụ-nữ nước ta, thì thường thấy báo Phụ-nữ Tân-văn giải bày cái mục đích về vang như thế; còn như phương-châm phải thật-hành, để đạt đến nơi mục-dịch đó, thì chưa thấy ai bàn tới.

Bấy lâu tôi thầm nghĩ rằng muốn cho phụ-nữ có đường tự lập thì tất phải có một cái chương-trình hành động tiện lợi để thật hành; mà trong cái chương-trình ấy thì trước hết phải chú ý đến trường nữ-công là lò nung đúc ra người đủ tư-cách tự-lập.

Trường ấy cốt dạy những khoa nữ nghệ cần yếu như là nấu ăn, làm mứt bánh, dưa mắm, may vá, nuôi heo thỏ, nuôi gà vịt, thêu thùa, dệt vải, làm đồ đan len, trồng rau đậu, trồng bông hoa, cách xếp đặt trong nhà, ngoài vườn, cách săn sóc đồ đạc. Các cô học chữ Pháp đã khá thì có khoa bút toán, đánh máy chữ, âm-nhạc, vẽ họa để giúp đường tự lập.

Ngoài ra lại còn diễn-thuyết về vấn-đề sản-dục, vệ-sanh vân vân...

Mỗi khoa đều có người chuyên-môn rành rẽ chỉ về cần thận từng ly từng chút, để khi học xong thì học-sanh có thể tùy theo tài học của mình mà lập cách sanh nhai cho vững vàng.

Người nghèo, kẻ giàu đều có thể tới học như nhau

cả. Mà muốn cho đàn bà con gái nhà nghèo được cái lợi đó, tất nhiên các bà các cô dư ăn dư để phải gắng giúp cho nền tài-chánh nhà trường được vững vàng thì mới có thể gây dựng ra được. Khi đã gây dựng xong thì các bà các cô khỏi phải giúp thêm nữa, vì những thứ thực phẩm, bánh mứt, rượu trà hoặc những hàng tơ vải, thêu dệt của học-sanh bán ra trong xứ cũng đủ dùng để trả các khoản phí tổn của nhà trường, như tiền mướn nhà, đèn, nước v. v.

Hiện nay về việc tổ-chức sắp đặt cai-quản thì có tôi là Trần-mạnh-Nhân chủ trường Trung-ương-Thương-nghiệp (École Centrale de Commerce), chịu ra công giúp không trong khi mới khởi xướng; như sau có bà nào có nào đủ tư-cách trông nom thì sẽ xin nhường lại.

Về phần giáo dục chuyên-môn thì có bà Công-lôn-nữ-thị-Hiến, cũng sẵn lòng nhận phần dạy về các món nữ công thường thức. Bà là người có tuổi, dùng dắn, xưa kia đã giúp cho hội Nữ-công Huế được nhiều việc ích lợi lắm. Và chẳng bà làn gười Hoàng-tộc đã từng ở trong nội-cung và các phủ ông Hoàng bà Chúa, nên về nấu nướng, bánh mứt vân vân... bà rất khéo.

Sau này như bà nào, có nào có tài hơn thì cũng xin nhường lại, dặng lo dạy về món khác.

Đại-khái việc lập trường nữ-công như vậy, xin có mấy lời sơ lược tỏ cùng các nhà nhiệt tâm về vấn-đề phụ-nữ. Ai là bạn đồng-chí xin hưởng ứng tán thành và ai có ý kiến chi hay xin cũng nên bỏ khuyên cho tận thiện tận mỹ, như là xin các nhà nhiệt tâm sẵn lòng giúp cho, hoặc về tài chánh, hoặc về công-phu giáo-dục, thì chắc rằng trường Nữ-công Nam-kỳ từ Nam chí Bắc, mỗi có một không hai, sẽ mau được thành lập và vững bền.

Đây chỉ mới là một cái sáng kiến, còn cần các nhà đồng chí phụ họa thêm.

Trần-mạnh-Nhân

Nên chú ý.— Ai có cần hỏi thêm điều gì xin gửi thư cho :
M. Trần-mạnh-Nhân 306 Bd. Gallieni Saigon hay tòa Báo
P. N. T. V.

Trả lời Đuốc-Nhà-Nam

Việc ông Quang-Chiêu đã sáng tỏ rồi, Đuốc-Nhà-Nam còn soi vào làm chi nữa

Số báo ra ngày thứ hai tuần mới rồi, bạn đồng-nghiep Đuốc Nhà Nam đã vì ông Chiêu mà trả lời cho Phụ-nữ Tân-văn về cái bài: « Ông Bùi Quang-Chiêu năm 1930 ».

Mới mở đầu, bạn đồng-nghiep lại nhắc lại cho mọi người nhớ rằng Đuốc Nhà Nam không phải là cơ-quan của đảng Lập-biến, như vậy thì đủ thấy rằng sự bạn đồng-nghiep muốn bình-vực ông Chiêu, là một sự miễn-cưỡng. Trái lại, bài bình-vực của bạn đồng-nghiep, không khác gì bắn cáo-trạng, buộc thêm tội vào cho ông Chiêu.

Trước hết, Đ. N. N. trách sao P. N. T. V. lại nhè lúc ông Chiêu đi vắng mà công-kích.

Có phải rằng ngày nay chúng tôi mới công-kích cái sự ông Chiêu làm với hãng Homberg đâu? Xin bạn coi lại báo P. N. số 66, nơi trang 7, ra ngày 21 Août 1930 mà coi. Lúc ấy ông Chiêu ở Saigon, chứ không vắng mặt! Và lại, ở đời đây-thép-giỏ này, năm châu bốn biển còn không xa, huống chi là Saigon với Hanoi? Ông Chiêu đi Hanoi, chứ chưa ra khỏi nước Nam mà! Còn một lẽ nữa: Báo P.N. chúng tôi phát-hành ở Hanoi cũng như ở Saigon, nếu ông Chiêu ở trong Đại-hội-dồng bước ra cửa, muốn coi một số P. N. là có liền, chứ có khó có gì đâu?

Đuốc Nhà Nam đã không phải là cơ-quan Lập-biến, thì can có gì lại bình-vực cho ông Lãnh-tụ Chiêu? Vậy là danh không chánh, ngôn không thuận rồi! Lại bình vực ông mà bình vực một cách lúng túng quanh co, bình như bạn đồng-nghiep cũng tự nhìn nhận rằng những sự ông Chiêu đã làm đó là có, là quấy!... Nói là bình vực bảo chữa cho ông, chẳng qua chỉ là làm cho có chừng vậy thôi...

Đáng lẽ chúng tôi không biện-luận với bạn đồng-nghiep, song vì bạn đồng-nghiep lại dám bảo là P. N. nói sai nên sẵn dịp này, P. N. muốn giải tỏ mấy điều công-kích trước kia cho rõ ràng thêm ra nữa.

Chúng tôi muốn chia ra từng yếu-diểm mà nói cho gọn hơn và dễ hơn.

Việc Canh Đền

Sao ông Chiêu không hùn vốn lập hội Canh-Đền với ai, mà lại lập và hùn với hãng Homberg?

Nghề làm ruộng là một nghề căn-bản của con nhà Annam. Cái vấn-đề sanh-tử của ta là ở đó.

Từ trước đến nay tuy ta thua kém ai trên trường kinh-lẽ, song về nghề làm ruộng ta vẫn giữ được phần hơn. Đó thiết là một cái hạnh-phước lớn.

Song từ nay sắp đi cái địa-vị của ta ở trong nông-giới chắc là sẽ phải đổi thay, vì nhờ có ông Chiêu lập hội Canh-Đền, làm kẻ trung-gian, nên bọn đại tư-bổn mới có thể vãi tiền ra mà tranh giành với dân Annam về nghề làm ruộng. Sự ông Chiêu bán ruộng Canh-Đền cho hãng Homberg sẽ có cái ảnh hưởng rất lớn mà không lợi cho Annam về sau. Đồng bào ta nên nhớ « cái sự ông Chiêu « chỉ đường cho hươu chạy » này!

Vấn-đề tăng thuế giấy

Vấn biết trong ban ủy-viên xét về vấn-đề tăng thuế giấy, ông Chiêu làm trưởng-ban, và theo như bạn đồng-nghiep nói, thì chính ông Chiêu không thuận về sự tăng thuế ấy. Song chúng tôi nói chắc rằng ông không thuận là ở trong lòng mà thôi, chứ đâu dám thốt ra miệng. (Cái nguyên-nhơn khi ra giữa hội-dồng, mà ông không nói tới là vậy, chứ không phải là tại không có người phản-đối, nên ông Chiêu không nói.

Vụ Thương - khẫu

Vụ này, từ lúc đầu, ai cũng nhớ rằng ông Chiêu đã lấy tư-cách nhà lãnh-tụ và nhà ngôn-luận, hết sức phản-đối rất là kịch-liệt, nói rằng hội ấy thành-lập, thì có hại cho nghề mua bán lúa gạo của nhà nông Annam. Đến lúc các nhà tư-bổn bàn nhau lập hội, trong số vốn 4 triệu quan, để cho Annam 350.000 quan cổ-phần, thì ông Chiêu lại hùn vào. Than ôi! Một việc trước kia ông Chiêu phản-đối, cho là có hại cho Annam, rồi sau ông lại vào hùn, là nghĩa làm sao? Té ra việc hại cho Annam mà lợi cho ông thì ông cũng làm; phải vậy không?

Báo Đ. N. N. còn nguy-biến hơn nữa. Nói rằng vì đại-biểu ta cho sự lập hội thương-khẫu đó là một mối lợi lớn, nên chỉ phải tư-bổn kia mới dễ 350 ngàn quan phần hùn cho Annam, nếu như Annam không lãnh lấy, t. ra họ cười rằng mình không biết mình nói gì sao? Nghĩa là, đã nói mối lợi, sao lại không hùn để kiếm lợi?

Lạ thay! Nếu ông Chiêu và một vài ông nào đó nữa, đã biết sự lập hội thương-khẫu là mối lợi, thì trước kia lại công-kích làm chi? Trước đã công-kích rồi sau lại vào hùn, vì sợ người ta chê cười! Đó, luận-diệu của Đ. N. N. nó quanh-co và kỳ-cục như vậy đó! Ai nghe được thì nghe! Vụ thương-khẫu trước sau cũng thế! Thái-độ của ông Chiêu thay đổi rất là lạ lùng!

AI lại không có gia-đình?

Chúng tôi không hề lấy sự ông Chiêu lãnh mỗi tháng 800\$00 của hãng Homberg là nhiều. Trái lại, chúng tôi còn cho là thiếu cho một nhà lãnh-tụ, lo việc chánh-trị.

Báo Đ. N. N. còn nói ông Chiêu đang làm quan chức lớn v.v. song ông vì lo việc dân mà bỏ không làm nữa.

Việc này chúng tôi không lấy gì làm lạ. Ông Chiêu làm việc với nhà nước, đến tuổi hưu-tri rồi thì ông trở về vườn, dầu ông có muốn ở lại cũng khó, hoặc là phải làm agent contractuel. Và lại khi ông Chiêu còn chủ-trương tờ báo « Tribune Indigène » thì ông vẫn là một vị quan chức, mà hồi đó sự hành-vi của ông xem ra lại có ảnh-hưởng tốt cho xã-hội ta hơn bây giờ. Vì sao? Có lẽ vì lúc đó ông có thành-tâm và như là ông còn trong-sạch.

Còn nói chuyện ông Chiêu vì có gia-đình gánh vác, nên phải mưu sanh thì ai lại không có gia-đình? Ai không phải mưu sanh? Quốc-dân có buộc ông Chiêu phải bỏ gia-đình đi để gánh vác công-việc xã-hội đâu? Có điều dân chỉ muốn rằng: hai vai ông Bùi, muốn gánh cái gánh tiền bạc của hãng Homberg, thì phải đặt cái gánh quốc-gia xã-xuống. Vì hai thứ ấy, gánh chung với nhau không nặng!

Vì lợi mà ông Chiêu bịt miệng

Bạn đồng-nghiep hỏi gắt chúng tôi: Biết những chuyện gì là ông Chiêu vì lợi mà bịt miệng đâu, nói ra nghe.

Đây! Không những ông Chiêu bị bịt miệng mà thôi, lại còn của tay nữa. Chuyện tăng thuế giấy của hãng Homberg đã xin, ra giữa Hội-dồng, ông Chiêu không dám bày tỏ ý-kiến đã đành, lại trong báo Tribune Indochinoise, ông chẳng dám hạ bút viết một chữ về vấn-đề ấy.

Còn một chuyện nữa!

Từ ngày ông vay 50 ngàn đồng của hãng Fontaine và hãng này cho báo Tribune Indochinoise năm trăm đồng bạc mỗi tháng, thì có thấy ông

Chiêu viết một chữ nào nói về độc-quyền ruy, như là trước kia ông thường viết không? Chắc bạn đồng-nghiep Đ.N.N. cái rằng có, và bảo chúng tôi thử mở báo T. I. ra coi. Chúng tôi đọc hoài, c. I. thấy có ông Jacques Danlor nói tới mà thôi. Nhưng là ông Jacques Danlor, chứ nào phải ông Chiêu!

Bốn chữ « Đơn tâm ái quốc »

Bạn đồng-nghiep còn nói bây giờ mỗi khi tới viếng ông Chiêu, ngó lên bốn chữ « Đơn tâm ái quốc » mà sanh ra lòng ngậm ngùi cho những kẻ muốn chia rẽ người Annam. Đâu có phải ý chúng tôi như vậy, bạn đồng-nghiep! Lúc dựng ông Bùi bốn chữ ấy, là chúng tôi trông mong ngày sau còn đức tượng đồng cho ông! Bây giờ có-sự đã như vậy, chúng tôi muốn cậy bạn đồng-nghiep một việc: Lúc nào tới viếng ông Chiêu, xin làm ơn cầm bút sửa giùm hai chữ Đơn-tâm làm hai chữ Hoàng-kim cho hợp thời hơn.»

P. N. T. V.

NHÂN TƯỜNG

Ai đại, Ai khôn?

Gặp xe vua Vô tay ngừng lại.

Thấy thóc nhà Châu mặt ngánh đi...

Đó là câu thơ khen cái khí-tiết thanh-cao của Bá-Di Thúc-Tề, đời nhà Ân. Hai ông thầy Cơ Phát tức là Vô-Vương đánh vua Trụ là Thiên-lữ thì cho là trái đạo nên nín xe lại mà can. Cơ-Phát không nghe. Sau Cơ-Phát phạt được Trụ rồi lên làm vua nhà Châu. Bá-Di Thúc-Tề không thêm ăn lúa của nhà Châu, lên ẩn ở núi Thù-Dương, chịu đói cho tới chết.

Còn đời nay nước ta có ông Chiêu ông Bền đã mấy phen chống cự với hội Thương-khẫu kể từ vụ Candelier cho tới sau. Hai ông đình ninh quả quyết rằng: nếu hội Thương-khẫu lãnh độc-quyền việc chuyên-chở thì hại cho Annam lắm lắm, như là hại cho các nhà nông.

Đến nay hội Thương khẫu thành lập, ông Chiêu ông Bền đã không thêm lên núi Thù-Dương (vì xa quá) lại còn rủ nhau nhảy vào hội Thương-khẫu mà lãnh cổ phần để dưỡng già...

Di, Tề thuở trước, Chiêu, Bền ngày nay. Hỏi coi ai đại với ai khôn?

T. M.

Một vấn-đề thiết-thời

XẤU THUẾ

Trạng-sư TRỊNH-ĐÌNH-THẢO

Vấn-đề xấu thuế, thiết là vấn-đề thiết-thời; mà các nhà có chức trách phải bàn bạc và giải-quyết làm sao cho hợp với nguyện-vọng của nhơn-dân và không trở ngại cho công-việc của nhà nước.

Gần đây các báo đều thay mặt nhơn-dân, tỏ bày ý-kiến rằng cái chế-độ lý-tài hiện đương thi-hành ở Đông-Pháp, nên cải-cách lại cho hẳn hoi mới được. Chánh-phủ cũng đã tự thấy những cái thiếu-sót ở trong chế-độ ấy, bởi vậy, mới rồi có lập ra ban Ủy-viên Cải-cách, và đem vấn-đề xấu thuế vào chương-trình để cho ban ủy-viên ấy bàn xét.

Tôi theo đại-thể trong nước, mà nói về vấn-đề xấu thuế ở đây. Trước hết, bữa nay ta hãy xét coi thuế là gì? Thuế là một điều hay, hay là một điều dở? Trong kỳ tới tôi sẽ nghiên-cứ về những cách-thức xấu thuế phải nên làm sao thì mới là công bằng, để cho những người đóng thuế vui lòng mà đóng, chứ không than phiền gì cả.

Vậy thì trước hết, ta hãy hỏi thuế là gì? Thế nào là phải lẽ?

Từ ngày mà người ta cần sanh hoạt với nhau, hợp thành chòm xóm, để giữ gìn, bình-vực tài-sản và sinh-mạng của nhau cho được vững vàng chắc chắn, thì xấu thuế đã được nhìn nhận là sự cần dùng, không thể nào thiếu vắng. Nhà-nước có trách-nhiệm phải giữ gìn bình-vực tài-sản và sanh-mạng của những cá-nhơn hiệp lại thành nước, phải giúp đỡ cho dân đủ mọi sự cần-dùng về tinh-thần và vật-chất, như vậy thì tất-nhiên Nhà-nước phải có một cái sổ chi-thâu, mà sổ chi-thâu ấy chính là những người được hưởng những cái lợi của Nhà-nước cho, phải đóng góp vào chỗ ai.

Vấn biết rằng những quốc-gia kim-thời, có những cái gọi là công-sân; lại có ruộng đất ở châu-thành và hương-thôn, có các rừng cây núi mỏ, đều là những thứ có huê-lợi cho Nhà-nước cả. Tuy vậy, những cái huê-lợi ấy chưa đủ để chi-tiêu trăm ngàn món, vì Nhà-nước phải trông coi săn sóc bao nhiêu là công-việc có ích-lợi cho dân, và bao nhiêu là sự cần-dùng, vừa là để giữ gìn đất nước, lại vừa là để mưu hạnh phúc cho quần-chúng.

Muốn cho sổ chi-tiêu đủ dùng, thế tất là quốc-gia phải nhờ cậy ở ngay những người được hưởng cái lợi-ích của quốc-gia làm cho; bởi vậy cho nên quốc-gia phải bắt nhơn-dân góp xấu đóng thuế, tức là xin nhơn-dân đóng góp vào cho quốc-gia, để cho những công-việc có lợi chung, có tiền thì mới làm được.

Như vậy thì ta có thể giải nghĩa rằng thuế tức là khoản tiền đóng góp, mà những cá-nhơn hợp lại thành quốc-gia phải đóng góp cho quốc-gia vậy. Những khoản tiền đóng góp ấy tính-toán theo thể-lệ như thế, lại có nhiều khoản thâu-nhập khác thêm vào, để cho quốc-gia có tiền chi-tiêu về các công-sở lập ra vì sự lợi-ích chung cho cả quần-chúng.

Coi như vậy thì xấu thuế là một sự tất-nhiên phải có rồi.

Song cái giá-trị của nó ra làm sao?

Đối với những người phải đóng thuế, thì thuế là điều hay hay là điều dở?

Cái vấn-đề này mỗi người xem xét về một phương-diện và trả lời một cách khác nhau.

Có nhiều nhà kinh-tế-học nói rằng: « Thuế là điều dở. Vì rằng thuế nhấc mất một phần tư-bốn hay là huê-lợi của những người đóng thuế. Bởi người phải đóng thuế có thể lấy một phần tư-bốn và huê-lợi ấy mà dùng được việc có lợi cho họ. Thiết, quốc-gia có giúp nhiều công-việc cho dân, nhưng mà những công-việc ấy các tư-nhơn cũng có thể làm được, chứ hà tất phải quốc-gia, bởi vì quốc-gia cai-quản các công-việc của mình, bao giờ cũng hao tiền tốn bạc hơn là các tư-nhơn. Ta thử đem một cái nhà thương của nhà-nước cai-quản với cái nhà thương của thường-nhơn cai-quản ra mà so sánh với nhau, thì thấy ngay rằng nhà thương của nhà nước xài hao tốn hơn nhà thương của thường-nhơn nhiều lắm. Quốc-gia bao giờ cũng là người xài tiền và là một ông quan cai-trị dở. »

Đó là cái thuyết chủ-trương rằng thuế là một điều dở vậy. Còn nhiều nhà kinh-tế-học khác lại chủ-trương một cách trái hẳn, mà nói rằng thuế là một điều rất hay. Họ chứng ra hai lẽ như vậy:

1° — Thuế Nhà-nước thâu của dân bao nhiêu thì lại trở về cho dân, chứ Nhà-nước có giữ chút nào đâu.

a/ Tờ hạn, trả các khoản quốc-trái cho những người được huê-lợi.

b/ Trả lương cho quan-lại.

c/ Trả những khoản tiền mua đồ vật cần-dùng cho Nhà-nước.

2° — Thuế có thể khuyến-khích sự sản-vật chế-tạo, mở mang nền kinh-tế cho dân. Người phải đóng thuế, chẳng những là phải lo cung-cấp cho mọi sự cần dùng của mình và của gia-đình mình, mà lại còn phải gánh vác một phần chi-tiêu cho Nhà nước, như vậy thì tự nhiên là người đóng thuế phải buộc mình làm việc hơn lên và sanh lợi hơn lên. Dân mạnh nước giàu, là nhờ ở chỗ đó.

Hai lý-thuyết đó cũng chẳng có lý-thuyết nào là đúng cả. Trong thuyết thứ nhất, thì người ta quên rằng có nhiều công-việc chẳng phải là tư-gia có thể làm được, mà chỉ có một mình quốc-gia mới làm được mà thôi: ví dụ như việc giữ gìn đất nước. Nói cho phải, những công-việc mà quốc-gia lo cho dân như thế, nếu không có tiền thuế thì lấy gì mà chi dụng? Vậy mình không có thể nào cho rằng thuế là một điều dở được.

Cái thuyết thứ nhì cũng hỏng. Vẫn biết là Nhà nước thâu thuế của dân rồi lại phát ra, vậy nghĩa là thuế dân đóng, lại trở về cho dân, song nó chỉ trở về cho ít nhiều hạng đóng thuế mà thôi, chứ có phải là trở về cho hết thảy mọi người đóng thuế đâu? Bởi vì có nhiều người, cũng là hạng phải đóng thuế, song họ không phải là người có phiếu quốc-trái trong tay, không phải là làm việc nhà nước, cũng không phải là người bán đồ cho nhà nước, ví dụ như một ông lương-y ngoài, một ông thầy kiện vậy. Và chẳng, người đóng thuế chẳng có khi nào lại coi sự mình làm việc cho kẻ khác là một điều hay cho được.

Thật ra, thì thuế chẳng phải là sự hay, mà cũng chẳng phải là sự dở. Nó chỉ là một sự cần dùng phải có: cái giá-trị của nó chỉ do ở chỗ dùng nó ra làm sao mà thôi. Nếu như dùng nó để đáp vào sự chi tiêu của một công-sở hay là một công cuộc gì có ích cho quần chúng, thì ấy là sự hay. Nếu như dùng nó để trợ cấp cho một việc gì chỉ có ích cho một số ít người hay là để trả lương cho một ông quan vì có thân thế mà được làm quan, chứ không làm được việc gì, như thế thì thuế là một sự dở.

Tiền thuế của dân đóng, mà quốc-gia chi dụng vào việc có lợi hay là có hại, ấy là trách-nhiệm ở các nhà làm đại-biểu cho dân (như ở Pháp thì các

Députés; ở Nam-kỳ thì Hội-đồng Quản-bạt) phải lo kiểm-soát sự chi dụng những tiền thuế mà Nhà nước đã thâu của dân; bất cứ lúc nào, nếu cần đến thì xin xem xét coi sổ sách chi tiêu của Nhà nước ra làm sao. Tất nhiên là trong sự chi tiêu của chánh-phủ phải có ích, phải hợp lý mới được, chứ không nên để cho kẻ đóng thuế bị thiệt thòi tài-sản của họ một cách vô ích và bất công.

Nói tóm lại, cái giá-trị của thuế, hay dở thế nào là do ở cái giá-trị của sự lợi dụng nó ra thế nào, mà lại do ở cái giá trị của những người được cử ra để kiểm-soát mọi sự chi-tiêu của Nhà-nước, ấy tức là các ông đại-biểu của dân bầu lên vậy. Nếu như những người này đủ tư-cách và lương-lâm, lại mạnh bạo đúng đắn, thì tiền thuế sẽ phải đem dùng vào những việc có ích cho cả mọi người; vậy thì thuế là sự hay. Trái lại, nếu như các ông ấy không có đủ tư-cách và lương-tâm, lại nhu nhược quá, thì tiền thuế sẽ bị đem dùng vào những sự chi-tiêu vô ích, chỉ có lợi cho một số ít người mà thôi chứ không có lợi gì cho quần chúng cả; như thế thì thuế chính là một sự dở vậy.

Trịnh-đình-Thảo

Luật-khoa Tân-sĩ, Trạng sư tại Saigon

Từ ngày Phụ nữ Tân-vân ra đời tới nay, được các bạn nam nữ độc-giả ở khắp trong Nam ngoài Bắc và ở ngoại quốc gửi bài cho rất nhiều. Bài nào cũng có giá-trị văn-chương, công-phu khảo-cứu, nhưng tiếc thay bốn-báo không xuất bản mỗi tuần ba bốn kỳ để đem hết những cái kho tư-tưởng văn-chương như gấm như hoa đó mà công hiến cho xã-hội.

Bài gửi nhiều quá, đến nỗi bốn báo rất lấy làm vui mừng mà lại thật là phân-vấn về sự lựa chọn, nên chỉ đành phải theo thứ tự tiếp được sau trước mà đăng lên lần lần. Có nhiều bài nhận được từ bốn năm tháng trước, mà bây giờ mới đăng được là vì lẽ như thế. Vậy xin các bạn có cảm-tình với bốn-báo lượng xét cho, và có bài nào đặc ý và bổ ích cho đời, xin cứ việc gửi lại, bốn-báo hết sức hoan nghinh.

Bốn báo lại tiếp được rất nhiều bài đại luận về chánh-trị, song không thể gì đăng được, vì bốn-báo không phải là một cơ-quan chuyên bàn về chánh-trị. Xin các bạn biết cho.

TA VỚI MỌI

(Bài ký những sự kiện-văn ở trên đất Mọi về miệt Kontum)

Từ Quinhon vượt hai trăm cây số, trên con đường gập ghình quanh co, hết núi, cao tới đồi thấp, qua đèo An-khe dài hơn muôn thước đến Chợ-Đồn, Pleiku, thì cái cảnh mọi đã bày ra trước mắt... Trời trắng xoá, đất đỏ lôm; cỏ xanh um, người đen kịt...

Bốn bánh xe quay tít... Trông đằng trước một trời một đất, ngó đằng sau dài đường đỏ như tấm vải điều có gió bay phấp phới... Thỉnh thoảng trong bụi cây thấy thấp-thoảng vài cái đầu bù, ở trên cái thân thè trần truồng đen cháy... Đó là người Mọi! Đôi mắt sáng quắc, lòng mày rậm rì, thấy mình, họ nhìn một cách tự-nhiên. Miệng ngậm điếu, phì-phà thổ khói, chốc lát mới thấy họ nhích mép si-sô (giọng Mọi nói gần giống giọng tây) chuyện vãn với nhau, lộ bộ răng đen mà bằng phẳng như cửa sập đến lại. Ngực coi nữ nang (muốn phân biệt trai gái thì người lành trí, ngó qua là biết, nếu không, lấy lỗ tai đeo bông cũng chưa chắc, vì bọn đàn ông Mọi cũng dúi lỗ tai như là bạn quần thoa; chỉ xem đôi vú khác nhau, mà phân biệt đàn bà đàn ông thôi)... Gân cốt của họ mập mạp, tay chân ngó khỏe mạnh lắm. Đàn ông vai vác giáo mác, cong nỏ; đàn bà lưng đeo con thoi, và đồ hành-lý. Đi đâu là cả nhà cùng đi; lũ trẻ cũng đầu bù, cũng răng mai, cũng da đen, cũng khỏe mạnh. Đàn ông và con nít đi trước, rồi tuân-tự tới chị em là hạng vận-lải đồ đạc, sặc sỡ đủ thứ, thúng mủng nổi niêu, sau cùng lại tới bọn các anh mạnh dạn cao lớn, đeo khi-giới đi theo hộ-vệ...

Đường xa ư? Chưa mềm sẵn đó, mà đầu gối có mỏi thì tiện đâu là họ nghỉ ở đó ngay... Thú dữ ư? Ta khỏe sẵn đây, mà sức có yếu, thì một sống hai chết. Lo chi! Sợ chi!

Thiết tưởng luật đào-thải tự-nhiên không đâu thì hành nghiêm-nhất cho bằng ở giữa nơi mọi rợ này... Mà các tay cự-phách về « đạo tự-nhiên » (naturisme), tưởng không tìm thấy chốn tu đắc-đạo ở đâu cho bằng ở đây! Bên Âu Mỹ bây giờ, phong-trào sống trần truồng (le nudisme) đang nồn-nao cổ-dộng, nhiều người thấy lạ, tưởng là mới, cho là hay, ngó đầu trên chốn rừng sâu núi thâm ở xứ ta, đã có người Mọi sanh-hoạt như vậy từ bao giờ kia rồi... Sống trần truồng rất tốt! Không cần phải viện những chứng

cớ viễn-vong — ít người hiểu — nào tâm-lý, nào vệ-sanh; ta muốn rõ, xin cứ để mắt đến cuộc sanh-hoạt của dân Mọi là biết...

Nóng, lạnh, mưa, gió, bao giờ cũng như bao giờ: đầu trần, mình trần, cặm cụi làm việc từ sáng chí tối... Dưới ngọn lửa hè, mồ-hôi tuôn ra như sôi, làm công-việc xong, thì nhảy xuống suối mà tắm như trâu; thế mà lên bờ vẫn tự nhiên ngồi bõc cơm ăn, ăn rồi, ví dụ trời có đổ mưa xuống thì cũng cứ trần-trụi giữa trời mà làm lụng như thường! Họ không sợ thương-hàn cảm-thử hay sao? Ta thử hỏi họ coi, họ sẽ lắc đầu xua tay mà nói: *bi-lô-lê*! (không biết!) Vẫn mập, vẫn khoẻ, vẫn vui, vẫn thích! Hỏi văn-minh như ai sướng; hay mọi-rợ như ai sướng? Xin nhường Mọi trả lời:

« Cái chi! Lối thời vận áo quần, khó làm lụng, lại hay dơ dáy. Điều bất-tiện nhất là vải lụa che kín mắt về đẹp trong người!

« Cái chi! Nấu nướng thịt cá mất công, đã tốn thời-giờ lại khó tiêu, khó ăn! Điều không tốt là vì lửa và nước làm mất cái vị ngon tự-nhiên của thực-phẩm đi!

« Cái chi! Lầu cao nhà gạch, xây đã lâu, lúc phá đi lại lâu hơn; khi chán chỗ này bỏ đi ở chỗ khác, ngày tháng đâu mà làm được luôn luôn?

« Cái chi! Xe cộ rộn ràng, trước đã nguy-hiểm vô-lịch, sau lại vùn-vụt đi trong rừng, sao được? Văn-minh, sung sướng cái gì đâu? Không biết, không biết! *Bi-lô-lê*! *Bi-lô-lê*!...

Ấy, họ cãi lờ với mình như thế, rồi cứ như thế họ nhất-định phân-đối mọi cách cai-trị giáo-hóa vậy khác. Bao nhiêu năm nhà nước tốn công tốn của, lập đạo-giáo, cất học-dường, thu tòng-dò, khuyến học-trò... Trường học cao, trại lính rộng, thầy mọi bổng lộc hậu, trò mọi đi học được cấp lương (hiện nay trại lính Kontum và trường học Mọi tất cả được độ năm trăm người); thời thì nung như nung trứng, hừng như hừng hoa, nhà cai-trị lắm lúc phải bụng mủi mà yêu cầu họ, cốt để làm gì? Để khai khẩn! Mọi lắm người thiệt giàu, có bạc muôn bạc triệu. Tôi biết một thầy tai mắt, làm chủ-nhơn không biết bao nhiêu là ruộng nương rừng núi, hiện giờ nuôi gần hai chục con voi, mà tính giá mỗi con voi có phải là ít tiền đâu; rẽ ra cũng phải một đôi ngàn bạc, một con! Thử tính mà coi, ai chẳng

hoa mắt?... Ngó thấy của cải của họ mà thèm, nhưng biết làm sao? Thời thì đồ ngon đồ ngọt, nặng nề đủ điều, họ vẫn làm lơ, thấy kệ! Tha hồ mà hun hít vuốt ve, dầu thế nào mặc lòng, phần đông dân Mọi (Mọi núi, Mọi cao) vẫn khùng-khỉnh, không những làm nhõng-nheo mà thôi, lại còn chống chọi... Họ phục-tòng bữa nay, hề mai đánh thuế và bắt cu-li làm việc là họ trốn tránh và chống lại liền. Họ nói: « Đổng thuế hả? Không mà, lên rừng bắt nai dổng thuế đã, rồi Mọi dổng! Làm đường hả? Không mà, lên rừng làm thì Mọi chịu ngay! »

Các nhà dương-quyền có nhiều khi mất công với họ. Họ đã không nghe theo, lại còn rủ nhau tụ-hợp trong bụi cây kết núi, nhè lúc xe hơi qua lại, dương nỗ bắn lên độc ra, làm cho nhiều người thiệt mạng vì họ...

Nghĩ kỹ, họ không chịu theo ai, là vì họ không cầu lụy đến ai... Ăn, họ cấy lúa lấy. Mặc, họ dệt vải lấy. Ở, họ cất lều tranh lấy. Muối là, thịt thú, cá suối, trái cây, lửa đá, xe chum... Mọi sự cần thiết cho cuộc sống còn ở trên đời, họ đều dư cả, bảo họ cầu ai? Khi giới, họ có đồ rèn đúc lấy, trang sức họ sẵn của thiên-tạo đem hiến cho họ. Đầu tóc thì bới ngược lên, gài lông công bóng loáng, cõ đeo hột huyền, tay đeo vòng đá... Bao nhiêu cái quý, cái đẹp, cái lợi, họ không phải nhờ ai mới có, nên họ sống một mình với nhau được lắm chứ... Chắc họ bảo nhau: « Ai chơi, chơi với, không thì thôi. »

Vấn-đề dụ dân Mọi là vấn-đề chánh-trị rất mực quan-hệ... Vì kho tàng của trời đất hiện còn ở trong tay dân mọi một hai phần... Ai người giải-quyết?

Viết tới đây, không thể không nhớ đến một kẻ trước đây 50 năm, đã hi-sanh thân-thể, ra công mạo-hiến, trèo đèo lội suối, lần lần bước chum lên khai-thác xứ này... Đứng nhăm nhía lằng-lắm của người khuất mặt, mình luống cảm-khích vô cùng! Vì ông Christophe Colomb đất Mọi này, lại là người minh, là một thầy dòng Annam. Quí hóa thay! Không dám phân biệt đạo-giáo trong hàng anh-hùng hào-khiet, xin nghiêng mình trước phần mộ ông cha Do, để tỏ tấm lòng kính phục.

Theo lời di-truyền, thì quê quán cha Do ở về miệt mấy tỉnh Quảng-Trung-kỳ, mà không rõ là Quảng nào. Ông lên đất Mọi từ ngày niên thiếu, làm xói, bán cho dân bốn-thổ. Lần lần học được tiếng nói, lần la đem lúa gạo, bông, trái, vòng, hột, đi đến đâu cũng phân phát, Mọi tranh nhau mà lượm. Ông lựa ý giảng đạo, thu phục nhân tâm. Ai bảo một hồn làm chẳng nên non! Ông cha Do đã một mình đem hai bàn tay yếu với trí

quả-quyết, lòng nhẩn nại, dụ được dân Mọi, lập được chợ Đồn, Pleiku, Kontum... Chánh-phủ nhờ ông không phải là ít. Dân Mọi quý ông, nhờ ông đến nỗi ngày nay vẫn một mực đòi theo cha Annam... Chớ không mấy chỗ chịu phục cha Pha-lang-sa.

Kontum! Kontum! Hai chữ tên Mọi....! Kontum là nơi giữ năm xương tăn của người khai-thác, đem hạt giống văn-minh rắc vào đất nước này. Kontum: kinh-dô Mọi... Từ Pleiku lên năm chục cây số, hết rừng núi, tới cánh đồng rộng, lửa chín đỏ ửng, cao ngất (lúa Mọi tốt hơn lúa ta, cây lớn hơn, mà nào có bón xói, cây bữa kỷ lưỡng đầu, chỉ cuộc sơ rồi gieo hột giống xuống đó chớ không gieo mạ cấy lúa như mình). Xa xa trông thấy mấy ngọn nhà lầu lợp ngói đỏ... Đất đã hơi trắng... Kontum! Qua chiếc dò cây, qua con sông cạn, ngó bên tay mặt, có cái cầu bằng bê-ton armé đã bỏ đời ra (công cuộc làm cầu này bao tốn 50 ngàn đồng mà bị làn nước lụt năm xưa cuốn mất một nửa). Qua bờ bên kia, mướn xe kéo dạo quanh... Đây tòa sứ, sở bưu-diện cất lối Mọi (làm trên cột), nọ nhà thương, trại lính... kia trường học, quán chợ... Phố xá lưa thưa, đường dài đằng đằng... Nhà cửa phần nhiều làm bằng cây quý (toàn là trắc với giáng-hương). Dân cư phần đông là người Quinhon lên ngụ, lập thành làng xóm... Thật là đất Mọi mà có Mọi đâu? Kontum của Mọi khác nào Chợ-Lớn của ta... Phải, ta giỏi đi cướp giật của người, người lại cướp của mình... Miếng vay, miếng trả chớ gì! Có nhà thờ lớn, có tiệm cơm to... Rau cỏ, cá thịt đủ thứ. Lên tới đây mới biết ngôi nhà là bàn bầy. Xin nhẩn ai sắp lên xứ Mọi, chớ tưởng lầm là Mọi kém mình, là ăn mồm nhai đầu? Dân Mọi sướng hơn dân ta. Xứ Mọi tự do hơn xứ ta. Cảnh Mọi ưa nhìn hơn cảnh ta... Tâm tính Mọi thuần hậu hơn ta... Ăn, ở, mặc, ba cái « có mới sống được » họ đều dư dật hơn ta, vì họ ăn lấy no, ở lấy đủ, mặc lấy vừa thôi... Chẳng sướng là gì? Duy có một điều đáng tiếc là người Nam mình đâu có ở đất Mọi này cũng không được đối-đãi ngang hàng bằng người Mọi (nên nhớ rằng: họ là con cưng), vậy xin khuyên chị em anh em đừng thấy đỏ mà tưởng là dễ dãi... Uống công! Rồi vô phước lại đeo lấy tật bệnh mà về thì khổ...

Nguyễn-Đức-Quỳnh

Lạ cảnh lạ người, tới mới bước chum đến đất đỏ, nên chỉ phong-tục và tánh-tình dân Mọi, tới biết được điều nào xin viết trong bài này, mong một ngày một biết thêm, được đến đâu, sẽ hiển đồng-báo đến đó.



MỘT ĐÓA HOA HƯỜNG NƯỚC PHÁP Bà Récamier

TÔ-NGỌC-QUANG

Năm 1793, phong-trào cách-mạng nổi lên dữ dội, làm cho nước Pháp phải rối lung tung. Trong thời kỳ bạo chính (Epoque de la Terreur), chẳng biết bao nhiêu đầu rơi máu đổ dưới lưỡi gươm đoạn-đầu-dài. Hội-đồng Cứu-quốc (Comité de Salut public) cầm quyền thống trị trong nước, ra lệnh bắt những người chủ động, vì chủ-nghĩa đế-quốc mà phản-đối chánh-phủ đương thời và những người mới làm giàu trong thời-kỳ biến loạn.

Ông Récamier (sinh năm 1751, tại thành Lyon) là người trông thấy cái cảnh tượng đầu rơi máu đổ gồm ghê kia hằng ngày; ông sợ cho ông không khỏi có một ngày kia chánh-phủ đem ra chỗ tan thây đổ máu, là vì ông làm chủ một ngân-hàng tại thành Paris trong thời kỳ cách-mạng ấy. Ông nghĩ phải kiếm người kế-nghiệp. Ông buồn rầu, biếng nói biếng ăn, việc làm cũng bỏ phế. Một hôm, ông nhớ lại gia-quyển ông Bernard là chỗ thân thiết với ông lắm. Lúc ông còn tới lui thường, bà Bernard vì chia sẻ mãnh tình cho ông, mà sanh đẻ một gái, đặt tên là Julie Bernard, bấy giờ đã được mười tám tuổi. Tuy việc vẫn giữ kín, song ông Bernard cũng có chút nghi ngờ. Nghĩ vậy, ông Récamier liền tìm bà Bernard mà bàn tính sự cưới nàng Julie; trước là để sự nghiệp lại cho nàng, sau là phá điều nghi-ngờ trông óc ông Bernard.

Ông Récamier đến cầu hôn; vợ chồng ông Bernard rất vui, liền ưng thuận. Cái lễ cưới là kỳ đã làm tại thành Paris: ông về tới bốn mươi hai, nàng dâu chỉ có mười tám tuổi. Từ đây có Julie thành ra bà Récamier. Bà Récamier còn ngây dại quá đỗi; đã có chồng mà nào có rõ nghĩa phu-phụ ra sao? Nào có rõ ông chồng già kia vì việc kín mà cưới mình đâu? Còn ông Récamier bề ngoài gọi tiếng đó vợ đây chồng, chứ bề trong thật là tình phụ tử. Ông tin ở bà, chăm nom nuôi dưỡng hết lòng và làm việc vững vàng lại như xưa.

Bà Récamier hằng ngày vui chơi như con trẻ; cách ăn mặc rất sơ-sài mà coi cũng đẹp; ra đường không ai là không chú ý đến.

Hết thời loạn-sát, chánh-phủ Đốc-chánh (le Directoire) đã thành lập. Dân tình vui vẻ; đầu đầu cũng mở tiệc ăn mừng thái bình.

Ông Barras, nhà chánh trị trứ danh, có chon trong chánh-phủ Đốc-chánh, mở tiệc trong sa-lông, mời các thân-hào quý-tộc đến dự tiệc long trọng ấy. Bà Récamier cũng theo chồng đến đó; nhà danh-họa David trông thấy bà liền cho bà là một bức quốc-sắc, và xin phép họa hình bà ngay trong đám tiệc.

Gương mặt trẻ con của bà thật là trâm phần mĩ-lệ; tuy bà trang điểm rất đơn sơ, mà các cô thiếu nữ có tiếng nhút trong xã-hội cũng phải nhường bước mà khen

thăm; cho đến các nhà quý-phái cũng vậy theo bà động ngấm cái vẻ đẹp đặc-sắc của bà. Đây là cái bước đầu của bà trong sa-lông này vậy.

Từ đây, khắp cả thành Paris, ai ai cũng nghe tiếng bà Récamier là đẹp; các phu-nhơn đến cầu thân và mấy nhà quyền-thế cũng tới lui thăm viếng.

Được cả một xã-hội như xã-hội Paris qui trọng như vậy, mà bà cũng như không, chẳng chút nào tự kiêu tự đắc.

Ông Récamier thấy vậy mướn đền Cllichy cho bà nghỉ hè; trong có vườn to rất đẹp, cây lá sum sê mát mẻ, có hồ nước mảnh mỏng trong vắt, vòi phun nước lên cao trắng tinh; quanh hồ sân rộng cỏ tươi, ghế đá dễ dàng, tượng đồng mỗi góc. Sớm mai tới chiều, tái-lữ giai-nhân chen nhau đến bà Récamier, hưởng cái thú thanh nhàn trong vườn thần-tiên ấy. Danh tiếng bà một ngày một thêm to.

Ngày kia, trong cuộc vui chơi, thỉnh linh cháu của ông Récamier lại ôm bà mà hôn trên cổ và thổi lờ ra nhiều câu; lòng bà từ đây phát động với chữ ái-tình; tâm-thần bà bối-rối ít lâu, sau bà rần chống chọi được.

Từ đó, bà biết cái sắc của bà có thể làm cho người đời trở nên hay, nên bà mới lưu ý tới sự trang điểm. Những bạn gần bà như thống-chế Moreau, công-tước Junot, lãnh-binh Murat, hầu-tước Masséna, lúc ra về ai cũng than thở mỗi lòng vì không thể dễ dàng bà được.

Đến hai mươi tuổi, bà Récamier có trí xét đoán rành rẽ, lại có tiếng là người có tài nói chuyện; kiến-thức một ngày thêm rộng, làm cho vốn bà không phải là một nhà văn-chương, mà cũng hiểu được rất dễ dàng những bộ sách và những bài của các văn-hào đọc trong các sa-lông bà lui tới. Nhan sắc của bà lại lần lên đến cực điểm: cặp mắt hữu tình trông ai như ru, như an ủi người ấy; nét mặt mịn mà làm cho người nào đã thấy, không thể trở gót ra về; cho đến tướng đi nét đứng cũng dịu dàng thanh nhã, ai cũng vui lòng noi gót theo bà luôn. Vậy nên sa-lông nào có bà đến, thì sa-lông ấy có đủ mặt các nhà thi-hào văn-sĩ và các nhà quyền-thế trong thành Paris.

Trong trường giao-thiệp của bà Récamier biết bao khách tái-lữ, văn-nhơn thăm thương trộm nhớ cái hình dạng tuyệt trần của bà; trước mặt bà họ đem hết tài nghệ mà chơi với nhau, mong được tiếng khen của bà là đủ vui lòng há dạ; bà sáng trí, rõ được lòng các ông ấy ao ước mình như vậy, nhiều khi bà mở giọng âm trầm khôn khéo động thức tình mấy ông đa tình kia phải bỏ tánh quấy; lời châu ngọc của bà Récamier nói ra thường động ngay vào óc, làm cho khách nam-tử phải ăn năn; sau mấy ông đa tình kia đều trở nên bạn hữu cao-thượng, như ý bà muốn.

Cũng lúc ở đền Cllichy, bà được quen cùng bà De Staël là một nhà nữ-văn-hào có thể lực rất lớn trong làng văn-học nước Pháp và trên trường chánh-trị lúc bấy giờ. Bà De Staël mời bà đến sa-lông; bà Tallien có tiếng thuở nay là người đẹp nhất trong sa-lông này cũng phải cúi đầu nhường bước. Các tay quý-phái bỏ bà Tallien theo hầu chuyện cùng Récamier. Trong lúc đó, nhà danh-họa David mới bà ngồi, đặt họa chon dung bà tại sa-lông; bức họa ấy vừa xong, ai nấy đều kêu bà là một vị tiên-nữ tuyệt sắc. Ngày nay, bức họa ấy còn treo tại viện bảo-tàng « Le Louvre » nước Pháp.

Ngày ông Napoléon lập nên chánh-phủ Nhiếp-chánh (le Consulat); đình Lucien Bonaparte (em Napoléon) bày lễ mừng. Bà Récamier được mời đến dự. Chàng Lucien Bonaparte giới thiệu bà cùng ông Napoléon. Vừa trông thấy bà, ông Napoléon nhìn không nháy mắt, bụng khen thâm và ước ao. Vì tình thế buộc bà phải đến trước mặt ông Napoléon, chứ thật bà không muốn chút nào, vì bà rất thân thiết cùng bà De Staël là người rất phản-đối chánh-phủ Nhiếp-chánh mới lập nên.

Trong tiệc ấy, đại-thần Fouché tỏ ý ông Napoléon, tình lợi dụng cái sắc của bà Récamier động dấy lấy tước cao quyền cả, liền đến xin Napoléon giao việc mai mối ấy cho mình lo. Ngày thứ, đại-thần Fouché đem lễ vật của Napoléon đến nhà bà Récamier, bà không nhận. Fouché túng phải đem về.

Bà De Staël thấy vậy, càng yêu bà hơn nữa, mỗi ngày rước bà đến sa-lông. Nhơn dịp đó, bà được biết chàng thiếu-niên văn-sĩ Chateaubriand.

Buổi chiều kia, bà được tin ông Bernard, đang quyền tham-biện sở điền-tín, bị bắt tổng giam về tội đồ thơ-từ lưu thông quá tự-do; mẹ bà (bà Bernard) buồn rầu than khóc. Bà đến đại-thần Fouché, cậy nói cho bà vào yết kiến Napoléon để xin tội giùm cho cha. Ông Fouché nghĩ tới việc lợi vật ngày nọ, tỏ ý không muốn giúp. Bà phải đến quan đô-thống Bernadotte. Quan đô-thống thấy bà hiểu thảo thì chịu lo giùm.

Bà vào vừa tới vườn Tuilleries, ông Napoléon đã được tờ của đại-thần Fouché báo rằng: bà De Staël, bạn thân của bà Récamier, phản-đối chánh-phủ càng thêm hăng hái. Ấy là đại-thần Fouché muốn làm cho bà Récamier không được biết dãi tại triều. Ông Napoléon thấy mấy giọt nước mắt hiểu thảo của bà thì động lòng, truyền lệnh tha bổng ông Bernard. Khi bà từ tạ lui ra rồi, ông Napoléon nói một mình rằng: « Người đàn bà ấy đẹp, song năng giao-thiệp với những người không hiệp ý ta chút nào. »

Qua ngày sau, có lệnh đuổi bà De Staël ra khỏi thành Paris. Bà De Staël về ở cái đền tại Coppet, trên bờ hồ Léman (Genève). Bà Récamier một mình buồn bực, không biết nói sao được.

Napoléon bỏ chánh-phủ Nhiếp-chánh, lập Đế-nhứt Đế-chánh (Premier Empire), tự xưng hoàng-đế, vì binh quyền rất mạnh, dân phải phục tùng.

Một đêm, trong trường hát, hoàng-đế thấy bà Récamier đến xem, cứ trông ngay chỗ bà ngồi hoài, không coi hát, lại sai đại-thần Fouché đến cho bà hay rằng: có lệnh Hoàng-đế đòi bà đến triều ngày mai.

Bà đến triều, hoàng-đế Napoléon khuyên bà vào hoàng-cung; bà không bằng lòng. Hoàng-đế giận lấy oai dọa, bà chẳng chút gì ghê sợ; hoàng-đế lúng túng phải dễ dàng lại nữa; bà cứ một lòng từ chối; ấy cũng vì tình bạn hữu với bà De Staël. Hoàng-đế Napoléon biết vậy, để bà ra

về, lại truyền đại-thần Fouché đến nhà bà nói lần nữa; bà trả lời: « Bọn tôi như ông-thống-chế Moreau đã bị đây, bà De Staël cũng bị đuổi đi. Chánh-phủ đối với chúng tôi như vậy, tôi không thể nào gần hoàng-đế được. »

Mùa đông năm 1806, chẳng rõ vì sao, công việc của ông Récamier bị hư-hỏng đổ-nát, nhà ngân-hàng phải khánh-tận. Công-tước Junot xin hoàng-đế xuống lệnh cho phép Pháp-quốc Ngân-hàng cứu giúp cho ông Récamier; hoàng-đế bác lời tâu ấy một cách rất quyết liệt. (Thật một đáng hoàng-đế to như Napoléon cũng còn nuôi oán giữ hờn đối với một người đàn bà thay, còn nói gì những Chánh-phủ con con). Ông Récamier phải cảnh nghèo.

Mùa xuân vừa đến, bà Bernard (mẹ bà Récamier) đau nặng; vợ chồng Récamier về thăm. Bà Bernard biết mình không thể sống, tình thuật chuyện giữ kín bấy lâu lại cho bà Récamier nghe; bà tắt hơi trong giữa câu chuyện. Bà Récamier chỉ hiểu mập mờ mà thôi.

Một thân liễu-bỏ mỏng-mảnh, mà bao phen sóng dồi gió dập, bà De Staël đi xa, sự buồn chưa hết, kể thân-mẫu qua đời. Bịnh-sầu lại đến; lương-y khuyên bà nên đi đổi gió nơi khác. Bà viết thư xin bà De Staël cho phép bà đến đền Coppet.

Lúc bà bước ra, nhấm tiết thu, lá vàng lác đác rơi đầy đất, cả thành Paris, hình như bị rịn rịn với người từ đây vắng mặt. Ông Récamier gạt lụy đưa bà lên đàng. Kể ở người đi, gan bảo dạ nát, ai người biết được tâm sự cho mình; vợ nam chồng bác, ruột thắt gan bầm, đất trời khôn thấu; « Cha mỗi mắt trông con, người than ngậm thở, ngày nào mới được trùng phùng? »

Bà De Staël cùng các nhà văn-hào thi-sĩ tụ lại sa-lông tiếp rước bà Récamier rất trọng hậu. Bà ở đâu cũng nhờ sự giao thiệp với các nhà trí rộng tài cao, nên thanh-danh bà càng thêm lừng lẫy.

Bà Récamier tưởng từ đây với bạn là yên hơn hết, không còn ai trao gánh tình cho bà nặng vai nữa. Nào hay, ít lâu hoàng-tử Auguste de Prusse đến cầu thân cùng bà, bà trông người thật có sắc, lại thêm tài lợi lạc. Vì yêu quý bà quá, hoàng-tử không chừa nào bước ra về nước cho được, đành ở Coppet cùng bà. Năm đó đến tuổi ba mươi, trai tài gái sắc, làm sao giữ cho lửa tình không chuyển lòng người; bà cũng đành dỗi tiếng trao lời với ai. Bao phen ngoạn cảnh: khi lên tới sườn non, trời thanh bát ngát, lúc đứng-dành mặt hồ, làn nước xanh-xanh, kia cảnh đây tình, biết bao giọng vàng lời ngọc, tiếng hẹn câu thề với cuộc trăm năm. Trong đời bà mới lần này bà không thể tự chủ được, thôi cũng đành phó mặc ái-tình.

Bà viết thư về xin ông Récamier cho bà cãi giá. Ông Récamier ưng thuận ngay, chẳng có lời gì phiên trách cả. Bà coi thơ rồi, nhớ lại cách ông Récamier đối đãi với bà bấy lâu, bà không nỡ phụ rẫy. Mà công hoàng-tử Auguste đã có tiếng thề, thì mới tính sao đây? Mãng tưởng đến cảnh nghèo nàn thăm thương của ông Récamier trong lúc này và sự nghiệp ông ngày trước có mình bà được hưởng, thành ra bà đau lòng không thể quyết được điều gì. Hoàng-tử Auguste buồn lòng, phải lau hai hàng lụy mà trở về nước; bà không ngăn cản được, hằng ngày chỉ than khóc và nói với bà De Staël rằng: « Chỉ có người đó là người tôi yêu dấu hơn hết trong đời tôi. Vì tôi mà người ở. Cũng vì tôi mà người đi. Chắc người sẽ hơn tôi suốt đời. » Bà De Staël thấy cảnh sanh ly thắm đượm ấy cũng phải động lòng.

Qua tháng sau, bà trở về Paris, thấy ông Récamier

già hơn xưa, vì buồn rầu điều kia nỗi nọ thái quá. Bà trông hình dáng ông Récamiér mà thêm đau lòng, rồi nhớ đến hoàng-tử Auguste lại càng nát ruột. Bệnh đau một ngày thấy nặng nhiều; lương-y dùng thứ thuốc viên có nha-phấn cho bà uống. Thừa ực vắng, bà định nuốt hết thuốc, động phũu nọ trần gian; ông Récamiér nhìn thấy rõ, chạy lại giựt thuốc lại và la rằng: « Tôi làm cha gì vậy? Cũng vì tôi mà con tôi tự vận thế này! » Cái tình phụ tử bấy lâu nhốt kín, nay thỉnh thoảng bật ra. Bà Récamiér hiểu mấy câu ấy chẳng? Bà đã có tiếng là người thông minh kia mà. Bà khẩn cầu; ông Récamiér thuật hết chuyện ông và bà Bernard, chuyện xưa nay vẫn giữ kín, cho bà nghe, bà lại ôm ông Récamiér mà nói: « Cha ơi! Con thương cha hơn cả mọi người trên thế-gian này. » Một câu dịu-dàng thâm-thiết như vậy, bấy lâu bà muốn dùng mà khó thật.

Trải bao cảnh thăm nỗi sầu, làm cho da mặt bà phải nhàu-nhàn với cái già sớm quá kia... Từ ngày bà ngồi trên cửa sổ đền Coppet trông cái dạng mù mù của hoàng-tử Auguste đi về nước đến giờ, bà đã chán ngán sự đời. Bà mất một người bà yêu hơn hết như hoàng-tử Auguste, thì còn mong gì nữa. Cảnh ấy tình này, không chán ngán sao được?

Chỉ còn bà De Staël là người thân, đáng tới lui trò chuyện mà thôi. Ngày bà đi Coppet về vừa tới Dijon, đã có sắc lệnh hoàng-đế Napoléon đuổi bà đi cách thành Paris bốn chục dặm. Bà phải trở ra đi, không kịp về thăm ông Récamiér, đang dựa cửa sớm trưa, mắt mắt trông chừng bóng con trước ngõ.

Mấy năm đằng-dàng, bóng hồng đất khách phiêu-lưu, mỗi sớm kia theo mãi, đến các nơi như: Turin, Parme, Rome tới đâu các nhà văn-hào quý-tộc cũng đều ân-cần tiếp đãi.

Đến khi cơ-nghiệp hoàng-đế Napoléon đổ nát rồi; bà trở về Paris, mở nhiều sa-lông, tụ-hội văn-bao thi-sĩ trong nước lại. Nhà ngân-hàng của ông Récamiér trở lại thanh-vượng như xưa.

Năm 1817, bà De Staël từ trần; bà Récamiér phải trải một hồi đau đớn. Kể đến nhà ngân-hàng ông Récamiér suy sụp nữa. Vì nghèo, bà phải vào nhà dòng Abbaye-au-Bois nương náu và mở ngay tại đó một cái sa-lông. Các nhà văn-hào cũng theo bà tụ đến đông đảo. Bấy giờ tuổi bà đã bảy mươi, tóc đầu đã bạc, mà cái nhan sắc vẫn còn theo luôn. Sa-lông bà chẳng khác chi một triều-đình; hằng ngày dập-diu thi-sĩ văn-nhân, chen nhau đến; qua mùa đông tuyết xuống lấp giầy, mấy ông cũng sốt sáng tới lui, như là vì bận phận. Biết bao câu văn thâm-thuý, biết bao lời vàng tiếng ngọc, trao đổi trong sa-lông quý-báu của bà. Những người đến sa-lông bà như: nhà sử-học Guizot, nhà thi-sĩ Legouvé, nhà văn-sĩ Prosper de Barante và Saint-Beuve đều được tuyển vào hàng-lâm-viện Paris (Académie de Paris) bà Georges Sand xuất bản quyền, « Tôi của ông Antoine » (Le Pêche de M. Antoine) tả những điều ước-vọng về sự hạnh-phước của loài người, nhà thi-sĩ Lamartine cũng xuất bản bộ « Lịch-sử cách-mạng Girondins »...

Một buổi mai, tuyết mùa đông xuống quá nhiều, thỉnh-linh cửa sa-lông mở, ai nấy đều đứng dậy; một lão đầu bạc, tay nương gậy, có hai tờ giấy kẹp ở hai bên, chon lưn cựa bước vào. Lão chào bà Récamiér và các bạn, lại ngồi phụp xuống ghế; ấy là lão văn-sĩ Chateaubriand, người già hơn hết trong sa-lông, lại là bạn thân của bà Récamiér, ai cũng kính trọng, vì ông ngày xưa có sung

chức sứ thần nước Pháp, thêm nổi danh một nhà văn-sĩ thiên tài, lại có du lịch nhiều nhất. Lão ngồi lặng thinh một lúc, ấy là tánh tự nhiên của lão; kể trở nói nhỏ với bà Récamiér rằng: « Bà bạn ơi! Tôi có vài lời phải-tỏ cùng bà bạn. » Mấy nhà văn-sĩ chung quanh thấy vậy, xin kiểu ra về, để hai lão tự do trò chuyện. Lão Chateaubriand nói tiếp: « Bấy lâu tôi ngần ngại như đứa trẻ con... Bà vợ tôi qua đời hơn một năm nay rồi... Minh tôi lủi thủi với cảnh già, thật buồn vô hạn. Bà có thể nào nhìn nhận cái tên tôi chẳng? Được vậy thì vinh hạnh cho tôi lắm đó. » Ấy là mấy câu chất chứa trong óc lão đã mấy năm rồi, lão nói đã hơn mấy ngàn lần, mà chỉ nói thắm thối, chớ không dám thốt ra. Nói rồi lão trông bà Récamiér, cóy chờ hai mắt tốt đẹp của bà mở ra vài lời cho lão thỏa lòng mơ ước bấy lâu. Bà Récamiér nghe mấy câu văn tác, bà đã rõ nỗi lòng lão Chateaubriand; bà cảm động, liền nắm tay run rẩy của lão văn-sĩ mà nói rằng: « Ông bạn ơi! Mấy lời câu khẩn của ông bạn đã thấu lòng tôi rồi. Trước khi trả lời, tôi cần phải suy nghĩ đã. Chiều nay ông bạn sẽ có lời đáp của tôi... » Lão Chateaubriand cúi đầu, tay nương gậy chậm chậm bước ra. Bà Récamiér một mình ngồi nghĩ. Minh sẽ thành bà Chateaubriand chăng? Sẽ là vợ một nhà đại tài trong thế-kỷ này chăng? Vậy thì hạnh phúc biết bao... Bà liền kéo ghế lại ngồi trước bàn của viên thơ ký, rút một tờ giấy, lấy bút viết:

« Ông bạn ơi! Phải rồi, tôi chịu. »

Bà ngưng bút và nghĩ: Ta trả lời cho người thế này sao? Thật khó!

Bà đề bút xuống bàn rồi dựa trên ghế, nghĩ lại cái khoảng đời quá khứ của bà: Bao phen thân mình như 'hòn ngọc chiếu rọi' cả thành Paris giữa các sa-lông danh tiếng; lúc lúc chẳng khác gì châu trâm đáy biển, bèo dạt lênh đênh. Lấy-lắt nỗi chìm với cái đời cay đắng, trải biết mấy lần vui khổ khóc than; nay tuổi đã cao, khoảng đời trông lại thật cũng dài, mà qua mau như nháy mắt, như giấc chiêm bao; năm này sang năm khác. Thôi thì cũng đành với cái phận vô-phước này.

Bà nghĩ vậy, rồi trông lại quanh mình; trời tối mịt mờ, sa-lông lạnh ngắt quanh hiu; ngoài đường gió thổi vu vu, tuyết tung mùn cửa sổ bay vào, hột trắng rơi đầy trên gạch. Bà lấy kiếng trên bàn đưa lên soi mặt. Kia gương mặt lu lờ như mây bao sương phủ, đã lộ trong kiếng... Có phải cái đời khổ hạnh kia đã thấm dột trong đám sương lại, đám mây mù đó chăng?... Kia cái nụ cười đó ngày xưa như trăng thu, như hoa nở, vì khuyến khích biết bao nhiêu đảng anh hùng cái-thế, vì nung nấu đã mấy cái óc thiên-tài các nhà thi-sĩ văn-nhân trong mấy sa-lông, mà ngày nay phải phai lợt đi chăng?... Cảnh đời xuân đi đông tới; khi trắng chiếu sáng, khi phải lu lờ vì tuyết sương!

Bà rủa vai, lấy mảnh thơ khi nãy vô cực, rút tờ giấy khác mà viết: « Ông bạn ơi! Cái tình của ông đã tỏ với tôi lúc bấy giờ, chẳng khác một đóa hoa hương chót trở trên đường đời tôi. Tiếng tâm những người đã thốt ra ngày xưa, bây giờ còn vang vọng bên tai tôi kia. Mấy bạn yêu của tôi lúc còn sống vẫn ca tụng cái phẩm hạnh của tôi. Vậy tôi phải giữ tôi là bà Récamiér trọn đời. »

Cách sáu tháng sau, lão văn-sĩ Chateaubriand nương-giỏ thu hưu-bất trở về cảnh ngoại; qua mùa hạ năm sau, bà Récamiér cũng nổi gót xuống suối vàng.

Tình-hình đàn bà Tàu



Kỳ trước, trong bức thư của cô Thanh-Nhàn gửi cho cô Huỳnh-Lan, đã nói sơ qua cái tình-cảnh của dân Tàu ngày nay, không chết vì cơ-hàn thì chết vì quân-phiệt, không chết vì quân-phiệt cũng chết vì cọng-sân; té ra có ba cái tai-họa bao bọc chung quanh, cái thân của người dân không khác gì nằm dưới bàn ép.

Muốn chứng tỏ cái dân tình ấy, bèn-báo in tấm hình này cho chị em ta biết phụ-nữ hương-thôn bên Tàu bây giờ, bị quân lính hành-bà là thế nào. Người dân-bà này chỉ bị tình nghi là tham-tử, mà bị hai chú lính khiêng như khiêng con heo vậy đó. Còn nhiều cảnh khổ nữa, nói không hết được. Đến đời rằng có bốn người, chỉ vì ăn cắp có một đồng xu mà bị án chém cả bốn. Nhưng cái tin này có lẽ là tin bày đặt.

Tuy vậy mà nói như bạn Thanh-Nhàn nghe rất phải. Dân-tộc nào trải thời-kỷ cách-mạng cũng phải như vậy hết, chớ không lạ gì.

Nhi-nữ tạo anh-hùng là thế. Đã biết trọn đời bà Récamiér chẳng làm được quyển sách nào, mà người đời vẫn kính; bao nhiêu trận bút, giấy mực tuôn bay, đều ca tụng cái đời như hoa như gấm của bà, vì bà biết dùng cái sắc đẹp mà đào-tạo văn-nhân hào-khết cho nước Pháp. Anh thợ vẽ David nhờ họa hình bà, ngày nay cái danh họa-sư này còn lưu truyền trong thế-giới; các trang hào-khết tranh nhau lo việc nước rất hàng hải, mong được làm người thân với bà; các nhà văn-hào thi-sĩ muốn được cái mệnh như hoa nở của bà khen ngợi, viết ra biết bao nhiêu bộ sách kiệt-tác để lại cho người sau lấy đó mà soi gương kim cổ, trau dồi đức tánh, luyện óc tình anh. Mới rõ cái nét phần lần son, nó có ích là như vậy đó.

Hộp phấn cây son, nếu người biết dùng, có thể xây dựng sơn hà, tạo nên thời thế; bằng không khéo, thì đến thành nghiêng nước đổ, phong-hóa suy-đổi chớ chẳng chơi. Phụ-nữ ta, ai nung hộp phấn, cầm cây son nên nghĩ thế nào?

TÔ-NGỌC-QUANG

Phán-thưởng Đức-Hạnh

Tôi đọc báo Phụ-nữ số 53 thấy có mở ra cuộc thi Đức-hạnh của Phụ-nữ trong nước, nên có mấy lời giới-thiệu cùng quý-báo một người quả-phụ tên là Trần-thị-Sến, năm nay 75 tuổi, ở làng Hátan, huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-Yên. Bà góa chồng từ năm 23 tuổi, được hai người con gái, không có người nối dõi nên khi già chồng cho con gái lớn bà, bà nuôi cả con rể. Hai vợ chồng con gái lớn bà sanh được 6 đứa con, bà trai ba gái. Kịp đến khi bà 50 tuổi con rể bà mất, cách vài năm sau con gái bà cũng lại theo chồng về nơi cực lạc, để lại một đàn cháu nhỏ, đứa lớn mới 15 tuổi đứa bé chừng 2, 3 tuổi. Tình cảnh nhà bà lúc này thật là đáng thương! Cảnh nhà nghèo khổ, bà bán buôn tần tảo, tự mình tề-gia nội trợ, cố nuôi các cháu ăn học. Được ít lâu cháu trai lớn bà vì nhà quân-bách quá, phải ra đầu quân rồi đi Thượng-hải, hiện nay đã đóng dọt; hai cháu nhỏ bà nay đã đậu bằng Sơ-học Pháp-Việt « Certificat d'études primaires ».

Còn con gái út bà lấy người cùng làng, hiện nay làm Tổng-sư tại phủ Khoái-châu « Hưng-Yên », sanh được 2 trai, 2 gái; người con trai lớn nay làm giáo-học tại Hà-dông; người con trai nhỏ làm việc Lục-lộ tại Hà-tĩnh. Tất cả con gái, con rể và cháu bà được như thế đều là do một tay bà nuôi nấng. Các cháu gái bà cũng gả cho con nhà từ-tế danh-giá trong làng. Hiện nay bà cũng còn nuôi 2 cháu gái bé bà và một cháu trai cho ăn đi học.

Bà là người đức-hạnh rất tốt, ăn nói hòa nhã dịu-dàng, trong họ ngoại làng chẳng hề mất lòng ai bao giờ; những người hàng xóm láng giềng thấy đều công nhận và thường tặng bà là bà cụ Bụt. Bà gặp nhiều cảnh ngộ éo le mà không ngã lòng, cứ bền gan thủ tiết, thờ chồng, nuôi hết con lại đến cháu cho ăn đi học nên người, chẳng quản trải nắng dầm sương trong 40, 50 năm trời, không hề có tai tiếng gì hết. Vì vậy đã được vua Khải-dịnh ban khen.

Một người dân bà như vậy thật là hiếm có, xin có mấy lời chân thật giới thiệu cùng quý-báo, xin quý-báo làm ơn nhận thư cho tôi được cảm ơn lắm.

Người giới thiệu:
Đoàn-Nghị ở làng Hátan
huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-Yên



PHÉP LÀM VĂN

BÀI THỨ IV

Dùng lời quả-quyết và lời hồ-nghĩ

Ba bài trước tôi nói rành những điều quan-hệ với văn Pháp. Sự nói luôn về một mặt đó, làm cho độc-giả phát chán đi, nên bài này nói về điều quan-hệ với Luận-lý-học, vì cũng như món ăn trở bữa.

Trong khi làm văn, có chỗ thì dùng lời hồ-nghĩ, ấy là sự thường. Như nói: *Sắt thuộc về loài kim; người ta không phải là cầm thú; ngày mai tôi đi Huế...* ấy là lời quả-quyết. Có khi nói như vậy, e còn chưa đủ cho người khác tin, lại dùng những cách khác cho quả-quyết hơn nữa như nói: *Sắt không thuộc về loài kim, thì thuộc về loài gì? Người ta có phải là cầm thú đâu? Ngày mai thế nào tôi cũng đi Huế.* Còn khi muốn tỏ ý hồ-nghĩ thì dùng những chữ: *Hoặc-giả; có lẽ; chưa biết chừng v. v. v.*

Truy-nguyên ra, loài người mà có cách nói như vậy, là tại sự tri-thức của mình chưa đến nơi. Người ta, dầu là một bậc thánh-triết đi nữa, có điều biết chắc, cũng còn có điều chưa biết chắc. Hễ biết chắc thì nói cách quả-quyết, biết chưa chắc thì nói cách hồ-nghĩ, có vậy rồi những điều chưa biết chắc đó mới có ngày biết chắc. Không-từ nói rằng: *« Hễ biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, ấy là biết vậy. »* Ngại lại còn dạy người ta nghe cho nhiều mà phải để thiếu những chỗ nghi-ngờ (*đa văn khuyết nghi*), tức là ý ấy.

Thuở nay tôi thấy có Jesus-Christ nói tình một cách quả-quyết mà thôi; đồ ai tìm ra được một lời nào của ngài mà đã dùng cách hồ-nghĩ. Chẳng những dùng cách quả-quyết làm thường, mà mỗi một câu một lời của ngài, hình như ngài lại còn dùng định mà đóng, dùng dây mà cột cho càng thêm chắc nữa. Giảng dạy cho môn-dò, ngài hay dùng luôn câu mếp này: *« Quả thật, ta nói cùng người »* (*En vérité, je vous le dis*); có chỗ ngài còn lặp đi lặp lại, dùng đến hai lần *« Quả thật »*.

Jesus-Christ mà nói như vậy là phải, không ai có thể chiều theo luật của Luận-lý-học mà kiện ngài được. Bởi vì ngài đã chứng cái bằng cấp Con Đức Chúa Trời ra, chính mình Đức Chúa Trời toàn-tri toàn-năng, đã hóa thân ra ngài, ngài tức là ánh-sáng, tức là chơn-lý, thì thôi, còn hồ-nghĩ gì nữa? Trừ Jesus-Christ ra, hễ là người ta thì nói ra có lời quả-quyết mà cũng có lời hồ-nghĩ, vì

người ta ai nấy đương còn đi tìm chơn-lý mà tìm chưa ra, thì hồ-nghĩ là lẽ tất-nhiên.

Do đó mà Luận-lý-học mới lập ra cái nguyên-tắc dị-dồng (*les principes d'indentité et de différence*). Cái nguyên-tắc ấy gồm có ba luật, là *luật tự-dồng, luật mâu-thuần, luật cự-tam*, mà tôi mới vừa giải rõ ra trong một bài đăng ở Phụ-nữ Tân-văn số 75. Trong khi đọc bài này của tôi, xin độc-giả chịu khó đem bài ấy — đầu đề của nó là: *Phân cái thuyết của ông Vô-xuân-Lâm* — ra mà nghiền-ngẫm lại lần nữa. Trong bài ấy, tôi đã nói rằng: *« Luật tự-dồng làm nền cho mạng-dề khẳng-định (propositions affirmatives), hết thấy mạng-dề khẳng-định mạng đều lập lên trên nó; luật mâu-thuần làm nền cho mạng-dề phủ-định (propositions négatives), hết thấy mạng-dề phủ-định đều lập lên trên nó; luật cự-tam làm nền cho mạng-dề tuyển-ngôn (propositions disjonctives), hết thấy mạng-dề tuyển-ngôn đều lập lên trên nó. »* Nay tôi lại nói thêm ở đây rằng: *« Hết thấy những mạng-dề khẳng-định và phủ-định đứng trên luật tự-dồng và luật mâu-thuần đó là thuộc về cách nói quả-quyết; còn hết thấy những mạng-dề tuyển-ngôn đứng trên luật cự-tam đó là thuộc về cách nói hồ-nghĩ. »*

Theo Luận-lý-học, khi nào đáng nói cách quả-quyết mà lại dùng lời hồ-nghĩ hay là đáng hồ-nghĩ mà lại nói cách quả-quyết, đều là không được cả. Bởi vì, điều gì mà sự đồng dị của nó đã phân minh rồi, thì mình chỉ có việc khẳng-định hay phủ-định mà thôi, khi ấy nên dùng lời quả-quyết để tỏ ra sự tri-thức của mình là chơn xác. Nhưng điều gì mình chưa rõ được sự đồng dị, chưa biết khẳng-định phải hay phủ-định phải, thì nên dùng lời hồ-nghĩ để tỏ ra ý cần-thận. Nhờ sự hồ-nghĩ hay là sự cần-thận đó, như mình làm dấu cho nhớ, mà rồi có ngày tìm ra sự đồng dị của nó mà khẳng-định hay phủ-định.

Đáng quả-quyết mà lại hồ-nghĩ hay đáng hồ-nghĩ mà lại quả-quyết, cái đó có phần ít bởi tri-thức mà phần nhiều bởi tư-tám. Như: hút thuốc-phện lâu ngày thì phải ghiền, ấy là do sự kinh-nghiệm từ trước đến nay, bao nhiêu người hút đều ghiền cả. Đó là theo luật tự-dồng, sự hút và sự ghiền đồng-nhất với nhau, thế nào mình cũng phải khẳng-định. Song nếu có kẻ nói rằng: *« Hút chưa chắc ghiền »*;

hay là nói: *« Có lẽ hút mà không ghiền »*; — ấy là đáng quả-quyết mà lại dùng lời hồ-nghĩ. Hồ-nghĩ như vậy, chẳng phải bởi người ấy không có cái kinh-nghiệm về việc đó, nhưng bởi cái tư-tám của va muốn nói thếặng tiện cho mình hút hay là cho kẻ khác cũng hút như mình. Lấy một cái thí-dụ đó mà suy ra cái khác, sẽ thấy sự đáng hồ-nghĩ mà quả-quyết cũng sai-lầm như nhau.

Ta nên chú-ý như là những lời như là hồ-nghĩ, mà không phải hồ-nghĩ; khi viết một bài văn đứng đắn, không nên dùng những lời ấy. Trong chữ Hán, người ta kêu nó là *lời thiêm-thước (thiêm-thước chỉ từ)*. Thiêm-thước nghĩa là cái nháng-sáng của chớp, lóe một cái rồi mất liền, như có mà cũng như không. Thấy kiện cái lẽ ở tòa-án cùng nhà-báo bút-chiến với nhau, hay dùng những lời ấy mà che khuất sự thiệt.

Ở đây tôi đem một lời của ông Trần-trọng-Kim ra làm chứng. Làm như vậy vì có hai điều tiện: một là việc mới xảy ra ở trong tập báo này, đề nhớ; hai là nhơn thế tôi giải-quyết được một điều biện-nạn trong cuộc luận-chiến vừa rồi; điều ấy bữa sau tôi sẽ khởi trả lời cho ông Trần.

Bài trả lời cho tôi lần thứ nhất, trong số 60, ông Trần viết rằng: *« Còn như nói rằng Không-từ chỉ nói thái-cực chứ không nói đến vô-cực, thì quả thật như vậy... Song biết đâu Không-từ đã đi học Lão-tử lại không nghĩ đến vô-cực?... »*

Cho được bác lại đoạn ấy, bài của tôi ở số 64 có nói rằng: *«... Theo phương-pháp khoa-học, cái gì chắc hẳn nói, không chắc thì thôi, tôi xin tiên-sanh dùng dùng hai chữ biết đâu... »*

Trong bài ở số 74, ông Trần dùng chữ *biết đâu* lần nữa, rồi lại nói rằng: *« Tôi vừa mới viết chữ biết đâu, chắc là Phan tiên-sanh đã lặc đầu rồi. Đó chẳng qua là tôi theo cái cách tư-tưởng của tôi trong khi nghị-luận. Hễ điều gì tôi biết chắc chắn thì tôi nói quả-quyết, điều gì tôi biết chưa được rõ lắm, hay là không chắc, thì tôi dùng chữ biết đâu, để tỏ cái thái-độ hồ-nghĩ của tôi. Có lẽ, tôi với Phan tiên-sanh khác nhau ở chỗ đó. Tiên-sanh nói điều gì là nói quả-quyết, mà tôi thì tùy có điều quả-quyết, có điều không quả-quyết được, cho nên phải hồ-nghĩ... »*

Coi đó thấy ông Trần nhận cho chữ *biết đâu* là cách nói hồ-nghĩ. Không phải. Biết đâu là lời giống như hồ-nghĩ chứ không phải hồ-nghĩ, chính nó là lời *thiêm-thước*.

Có thể theo phương-thức toán-học mà đặt ra như vậy cho dễ cái nghĩa:

Biết đâu không = Có.

Như vậy, *biết đâu không* tức là *có*. Nói *biết đâu không* chẳng khác nào nói *có*. Muốn nói *có* nhưng chẳng nói *có*, lại nói *biết đâu không*, vì lời này có hơi lơ-lửng hàm-hỗ, cũng khẳng-định mà không

có ý châm-băm như chữ *có*, lợi cho khi mình muốn khẳng-định điều gì một cách lơ-lửng hàm-hỗ. Ông Trần lẽ nào lại không biết rằng *« Không-từ sang nhà Châu hỏi lẽ nơi Lão-tử »* mà thôi? Ông biết vậy mà ông lại muốn viện cái chứng ấy để bẻ lại tôi, nên ông đã đổi chữ *hỏi* làm chữ *học*, rồi dùng chữ *biết đâu* tiếp theo để lập chứng thì cái chứng ấy chẳng những là mong-mạnh mà lại là ngang trái nữa.

Tôi vẫn thừa nhận rằng trong lời nói loài người phải có cách hồ-nghĩ. Nhưng về chuyện chứng như vậy thì bao giờ cũng phải dùng lời quả-quyết mà không dùng lời hồ-nghĩ được; đó là một điều trong phương-pháp khoa-học, cho nên tôi nói rằng *« theo phương-pháp khoa-học »*. Thế mà ông Trần lại cho chữ *biết đâu* ông dùng đó để tỏ ý mình biết chưa chắc, rồi ông cho tôi là *« nói điều gì cũng nói quả-quyết »*, thì thật là rất oan cho tôi. Xin độc-giả soát lại những bài của tôi mà coi, tôi dùng lời hồ-nghĩ luôn luôn; duy tôi không hề lập chứng để phản đối ai mà lại dùng lời hồ-nghĩ bao giờ.

Nay chúng ta muốn phân-biệt những lời hồ-nghĩ với lời *thiêm-thước*, hầu cho khỏi phạm điều giả-dối trong khi làm văn chúng khỏi bị lừa-gạt trong khi xem văn thì trước hết phải hiểu mấy điều này.

Trong khi nói hay viết, có hai cái ngữ-diệu là: *thẳng và không thẳng*. Như nói: *Tôi nghi ngờ*; ấy là *thẳng*. Còn nói: *Tôi không thể không nghi-ngờ*; hay là: *Tôi lẽ nào chẳng nghi-ngờ được ư?* ấy là *không thẳng*.

Tóm lại, cái ngữ-diệu không thẳng gồm trong hai cách đặt: Một là hai chữ tiêu-cực cũng thành ra tích-cực. Như nói: *Không thể không làm*, tức là *làm*; *chẳng ai chẳng có*, tức là *ai cũng có*; *không nơi nào không đi*, tức là *nơi nào cũng đi*. Hai là một chữ tiêu-cực với một nạn-từ (*terme interrogatif*) cũng thành ra tích-cực. Như nói: *Sao tôi không làm?* tức là *tôi làm*; *ai lại chẳng có ư?* tức là *ai cũng có*; *nơi nào là nơi chẳng đi?* tức là *nơi nào cũng đi*.

Đó, những cái ngữ-diệu không thẳng ấy nhiều khi dễ thành ra lời *thiêm-thước* lắm. Tức như chữ *biết đâu không* ông Trần dùng là thuộc vào hạng không thẳng thứ hai. Cho nên chữ *biết đâu không* là thuộc về ngữ-diệu không thẳng, chứ không phải là lời hồ-nghĩ như ông Trần đã nói.

Ta lại phải biết rằng theo tu-từ-học (*rhétorique*) thì những lời không thẳng ấy ta không thể không dùng được, vì nhờ nó làm cho câu văn có vẻ đẹp uyển-chuyển khỏi cái bệnh thô-hào. Song le, phải tùy chỗ mà dùng, như là vào những chỗ lập chứng, thì thế nào cũng phải dùng ngữ-diệu thẳng mới được. Có thì nói *có*, không thì nói không, ấy là đúng phép hơn. PHAN-KHÔI

CHUYỆN VẬT PHƯƠNG TÂY

Dật-sự ông Nelson hồi còn nhỏ

Ông Tữ-tước Horace Nelson là một vị danh-tướng Anh-lê, sanh năm 1758, mất năm 1805; từng đánh nhau với người Pháp trong trận chiến-tranh để độc-lập của nước Mỹ. Ông ấy mất một con mắt trong khi bị vây tại Caloi, và mất một cánh tay tại trận đánh ở Santa-Cruz. Năm 1798, chính ông Nelson diệt hạm-dội của Pháp ở Aboukir, sau lại diệt hạm-dội của Pháp và Y-pha-nho ở Trafalgar nữa, rồi ông cũng bị giết ở đó.

Ông Nelson hồi còn nhỏ, có gan-gia khác thường, con nít mà làm nhiều chuyện kỳ-cục lắm. Đến khi ông nổi tiếng lẫy lừng khắp Âu-châu rồi, người ta mới nhắc lại những chuyện ấy mà trâm-trở với nhau cho tới bây giờ.

Khi ông học ở trường tiểu-học, ông đốc nhà trường có một cây lê quý lắm, bọn học trò thấy, ai nấy cũng đều thèm đứt sợi tóc, muốn ăn cho được mới nghe. Họ bèn đánh bạo xin ông đốc cho họ bẻ ăn mỗi người một bụng. Ông đốc bằng lòng cho, nhưng ông chỉ cho mà coi, và nói rằng: « Những nhánh có trái ở trên cao mà lại cheo-veo, khó hái lắm, ai có tài hái được thì ăn lấy. »

Bọn học trò vỗ tay mừng rỡ, song chỉ đứng dưới gốc nhón lên, chờ chẳng trò nào dám trèo lên cây, vì cây lê đã cao mà những nhánh có trái lại sà ra lưng-chùng, họ biết rằng có trèo lên cũng không thể hái được.

Bấy giờ cậu bé Nelson đứng ra giữa anh em đồng-học nói rằng: « Để tôi hái cho. » Nói rồi làm liền. Nelson bèn bỏ đó mà đi lên lầu nhà ngủ đứng ngay chỗ cửa sổ, cầm cái queo nỉu lấy nhánh lê lại gần mình, rồi đu-di mà qua bên cây lê. Trong mình ông ta đã mang sẵn một sợi dây chắc-chắn, khi hái trái lê thộn dây học rồi, thì cột giây vào nhánh rồi giòng mình mà xuống đến đất, bình-an vô-sự. Bọn-bé thấy vậy đều khen Nelson là dạn-gan. Song Nelson lại còn có sự đáng khen hơn nữa, là có lòng hào-hiệp mà không vì lợi: khi lấy hết trái lê trong học mình ra đem chia cho bạn đồng-học mỗi người một ít, mà không hề giữ lại phần mình, rồi thùng thảng nói rằng: « Chỉ vì thấy các anh nhút-nhát nên tôi đi hái giùm cho các anh đó thôi. »

Lại một chuyện nữa, chuyện này xảy ra hồi Nelson còn nhỏ xíu. Ông ta nguyên ở với bà-nội, một hôm bỏ nhà đi theo tụi chần trâu kiếm ở chim, đến hồi ăn cơm tối mà chưa về. Người nhà đều lo sợ, tưởng rằng thằng bé đi dật-dờ đâu đã bị chúng bắt. Họ rủ nhau đi kiếm. Té ra Nelson đã rời tụi chần trâu ra mà ngồi một mình nơi bờ bên kia sông. Ai nấy đương lấy làm lạ, chẳng biết thằng nhỏ làm cách nào mà qua sông được, thì bà-nội ấy cũng vừa tới đó, vừa mừng vừa sợ, vội-vàng hỏi cháu mình rằng:

— Mày quá thiệt! Làm sao đó? Mày không sợ sao? Mày có đói bụng không?

Vị tiểu-anh-hùng trả lời rằng:

— Thưa bà, cái « sợ » là cái gì cả? Cháu còn chưa biết nó là gì đa bà!

Chuyện sắp kể dưới đây cũng là chuyện hồi ông ta còn đi học trường tiểu-học, mà là chuyện tỏ ra được cái lòng danh-dự của ông ấy, thế nào thì thế, chờ nhứt định không chịu làm mình ra người bèn.

Một hôm, Nelson cỡi một con ngựa với Guillaume, anh ruột mình, mà đi học. Mới vừa ở nhà bước ra thì gặp tuyết sa đầy đường, Guillaume bèn rủ em trở về thưa lại cùng cha, nói rằng vì đường có nhiều tuyết không thể đi được.

Nghe vậy, cha liền bảo hai con rằng: « Nếu quá có nhiều tuyết thì hai đứa bay không đi là phải. Song hãy đi lại thử coi, sự ấy tao giao cả cho cái lòng danh-dự của chúng bay. Như quả đường-sá là nguy-hiểm lắm, thôi thì trở về; song le, bay hãy nhớ lấy, sự này tao phó-mặc cho cái lòng danh-dự của hai đứa tự xử lấy. »

Hai anh em lại trở ra đường, cũng vẫn thấy tuyết sa đầm-đìa như trước, nếu đi thì phải xông pha biết bao hiểm-trở. Sự hiểm trở ấy có thể làm có cho hai cậu bé trở về, song chủ em Nelson nhứt định không chịu, nói rằng:

— Này, anh ơi! Nếu chúng ta không đi là tại chúng ta không đi, chờ chẳng phải tại có rào hết. Đờ cho tại vậy tại khác mà không đi, ấy là sự rất quan-hệ cho danh-dự chúng ta đó anh! Nelson một mặt nói như vậy, một mặt xắn quần vén áo mà lội trên con đường những tuyết.

Có lần Nelson theo đội thám-hiêm ngồi chiếc tàu kia đi thám-hiêm ở miền Bắc-băng-dương. Lúc ấy Nelson mới có mười bốn tuổi. Trong đám thủy-thủ đi theo tàu ấy lại có một chàng thanh-niên cũng dạn-gan; Nelson làm quen với người này, lần lần trở nên bạn thiết.

Khi tàu chạy đã đến miền ấy rồi; đậu lại dừng bước bộ đi tìm-thăm nơi này nơi khác. Một đêm kia, trong tàu ai nấy đương ngủ, Nelson và người thanh-niên nọ lên bước lên bộ, vì nghe nói xứ đó nhiều gấu nên rủ nhau đi săn gấu. Nelson vai mang khẩu súng kiểu cũ mà lặn lội trong những cụm băng bởi nước đóng lại có hang có hốc, thế mà đặc-y không gì bằng.

Một chập chỉ đó, trong tàu ai nấy biết ra sự hai người lên đi đâu rồi. Song le lúc đó trời đương sa mù, ngựa bàn tay trông không thấy. Đến chừng sau lúc nửa đêm ba bốn giờ đồng hồ, trời bớt mù đi, họ mới đặt ống-dòm mà trông ra, thấy hai người đương ở đằng xa đánh với một con gấu lớn. Người trong tàu bèn phát khẩu-hiệu cho họ trở về, song Nelson đang hăng quá, dầu nghe khẩu-hiệu cũng không trở về.

Khi ấy Nelson đương đứng nấp trong hầm

băng, cự địch với con gấu lớn. Con vật hung-dữ ấy hăm hăm bắt cho được ông ta. Hồi đó Nelson bần đã hết thuốc-dạn rồi mà cũng không chịu lui, kêu to lên rằng: « Tôi chắc rằng nếu còn đạn mà bắn một phát nữa thì nó chết ngay. »

Số là này giờ chàng thanh-niên đi với Nelson vẫn khuyên ông ta trở về, ông ta không chịu; trở nói với người ấy như vậy đó. Người thanh-niên kia nghe câu ấy, biết rằng không có thể nào can-ngăn bạn mình được, bèn một mình trở về trong tàu.

Người ấy thuật chuyện cho quan chúa tàu nghe. Quan chúa tàu biết rằng Nelson đương ở trong vòng nguy-hiểm, thì bèn liền một phát súng đại-bác, để dọa con thú dữ kia. Quả nhiên nghe tiếng súng vang trời dậy đất ấy, con gấu sợ mà chạy mất; nhưng cũng vì đó Nelson không bắn được nó, trở về tay không.

Khi về đến tàu, quan chúa tàu rầy la cho một hồi rất dữ, rồi mới hỏi ông ta sao lại đi săn như vậy, Nelson trả lời cách tự-nhiên rằng: « Tôi đi săn gấu, là vì muốn lấy được tấm da của nó về làm quà cho cha tôi. »

Một cuộc đầu-xào đang tổ-chức

Hội Trí-Tri Haiphong có lời kính cáo để công chúng biết rằng: hội định mở ở hội-quán một cuộc Đầu-xào cốt để chân-hưng và khuyến-khích Mỹ-thuật, Công-nghệ và Cơ-khi của nước nhà.

Cuộc Đầu-xào định mở trong tháng ba tây năm 1931 và gồm có ba ban sau này:

1°) Ban Thủ-công của nam nữ học-sanh 2°) Ban Mỹ-thuật. 3°) Ban Công-nghệ và Cơ-khi. Ban Thủ-công để riêng cho các nam nữ học-sanh các trường công tư phó bảy các thứ đồ thêu đồ vẽ đồ nặn đồ chơi v.v.

Còn ban Mỹ-thuật Công-nghệ và Cơ-khi mục-dịch là để khuyến-khích tài sáng-chê của anh em trong ba kỳ, hoặc vẽ máy móc, hoặc vẽ các đồ thường dùng, bất cứ to nhỏ, miễn là có thiết dụng và tự mới nghĩ ra.

Thường việc Thủ-công, hội sẽ dùng sách vở, đồ chơi và giấy chừng chỉ.

Còn các đồ vật mới sáng chê ra và máy móc mới phát minh, hội sẽ tùy theo sự công-dụng và vẽ mỹ-thuật mà thưởng tiền bạc và bằng-cấp.

Không những hội giới-thiệu các nhà chê-tạo với các nhà tư-bồn về việc sáng chê; hội lại còn nhận xin giùm bằng cấp ở Pháp và trình Toà án Thương-mại ở đây về nhãn hiệu của đồ đã sáng-chê để giữ quyền lợi (obtention du brevet d'invention en France et dépôt de marque de fabrique au Tribunal de Commerce)

Các nhà chê-tạo muốn dự phần xin viết thư hỏi thể-lệ và nói rõ có đồ vật gì muốn bày trong cuộc Đầu-xào.

Xin gửi thư cho M. Nguyễn-Son-Hà trưởng ban tổ-chức cuộc Đầu-xào của hội Trí-Tri Haiphong ở nhà số 46-48 phố Amiral Courbet.



Viếng mộ người nữ-sĩ

Cang thương nặng nghĩa hóa thân khinh,
Vị tiết cho nên phải bỏ mình.
Chín suối ngậm ngùi duyên, số, phận.
Ngàn thu ghi tạc hiếu, trung, trinh.
Hai vai phận-sự hai hàng lệ.
Một gánh giang-sơn một khối tình.
Giờ biết hỏi ai câu truyện cũ?
Sống Lưu trong vạt, núi Ngõ xanh l....

X. Sao-Lục

Qua chơi chùa Tiên (Lang-Sơn)

Bước tới non Tiên luống chạnh lòng,
Một tòa cổ-tự ác dờm song.
Khỏi hương nghi ngút hồn lai láng,
Kính kê ở a dạ nỗi lòng.
Mấy khúc đoạn trường than cuộc thế,
Hai hồi chiều-mộ khóc non sông.
Bóng tà hồng-lãng, chim xao xác,
Lữ khách khôn ngăn giọt lệ hồng.

Đêm thu cảm tác (1)

Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Chưa vui sum hiệp đã sầu chia phôi.
Từ đây góc biển bên trời,
Thành xây khói biếc, non phôi bóng vàng.
Trông vơi trời nước mênh mang,
Mỗi sầu xẽ nữa, bước đường chia hai.
Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Bên trời góc biển bơ vơ,
Hoa trôi giạt thảm, liễu xơ xác vàng.
Mặt sao đầy gió dạn sương?
Lòng quê đi một bước đường một đau.
Bốn phương mây trắng một màu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?
Mối tình đôi đoạn vô tơ,
Tấm lòng thương nhớ biết là có người?
Buồn trông phong cảnh quê người,
Ngàn ngơ trằm nỗi dùi mài một thân.
Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
Ngại ngừng một bước một xa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Trông vơi cổ- quốc biết đâu là nhà?
Dặm ngàn, nước thẳm, non xa,
Ai tri-âm đó, mận mà với ai?
Vững trãi ai xẽ làm đôi?
Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng.

(1) Của một người học-sanh đáp tàu sang Pháp du-học.

Đêm thu mé biển

Đêm thu mé biển trắng tròn,
Ngồi trên mỏm đá, bọt cuồn liếm chân.
Ngoài xa thì, sóng vẫn vùn vùn,
Tiếng vang âm giữa bãi mình mông.
Lùa nhau chập sủi chập chùng,
Tràn ra rồi lại rùng rùng rút lui.
Oan chi thế ngoài khơi xô tới?
Cứ vào bờ than với thế-gian!
Hay là nước bị cơn gió bão,
Suốt đêm ngày chuyển đảo khắp nơi.
Khổ cực cam chịu lâu rồi,
Tới nay đồng tiếng cầu trời cho yên.
Hay là biết trời trên chẳng thấu,
Cùng chúng sanh đau đáu gửi tâm.
Thấy người thi-sĩ xót thăm,
Lánh nơi trần tục, âm trầm hủn thơ.
Sóng cầm động, nhường như ai oán,
Bọt vắng xù tán-mạn khắp ghềnh...
Quanh người, sóng vỗ rập rình,
Trên đầu trăng lọt, mây nhàn gió đưa.
Biển nhào nhó trắng phơ như bạc,
Hình trăng tròn mặt nước long lay.
Chim hóm, tìm cá nghiêng bay,
Cầm giờ tịch-mịch kêu cay nỗi dãi!
Chợt nghe tiếng trong người thi-sĩ,
Tấm can tràng xiết kể đau chung!
Đau thay cho kẻ khổ cùng.
Liều thân biển thẳm, kiếm vòng sanh nhai.
Một đêm chống với sức trời,
Cột buồm gió bể, ghe chài sóng xô.
Kể thời phải làm mới cho cá,
Kẻ đập đầu vào đá chống chính!
Anh người xác nổi bập bênh,
Rời ra lữa cốt liền hình còn đâu!
Riêng để lại khối sầu trên thế,
Chốn trần-gian nhắc kẻ tòn vong!
Thương ôi! mấy kiếp lạnh lùng,
Chìm trong đáy biển nỗi lòng ai ghi!
Trơ trơ từng mảnh ván bè,
Gió đưa sóng gợn le te vào bờ...
Ấy biển khổ mịt mờ vô hạn,
Là giọt đau chung vạn kiếp người!
Trăng thu khiến cảnh ngậm ngùi,
Vẳng tai nghe tiếng sóng dồi như than l....

Lê-Khánh-Đôn

Fumez le JOB

NGỒI LỀ ĐÔI MÁCH

THỐI XẤU NÊN CHỪA

Gió thổi phất phơ, mưa sa lác-dác, một dãy cây to tỏa bóng sum-sê, mấy nhánh cây đập nhau xào xạc, lá vàng rơi xuống đất như đàn bướm bay. Trên con đường thẳng bằng xa tít, xa xa đi lại cái bóng là lù... một người ăn xin.

Gậy dẫn đường, bị đeo vai, quần tơi tả, vừa đi vừa run cầm-cắp, dường như chịu không nổi cái ngọn gió lạnh kia đương thổi lạt...

Khách đi đường, ai trông thấy cũng ngậm ngùi, kẻ ít người nhiều, bỏ lên bờ-thị, gọi là một chút giúp kẻ cơ-hàn.

Nơi lề đường, dờ-sộ một tòa nhà to, có một cái cửa lớn đi vào.

Người ăn mày chắc hẳn được một chỗ trú thân trong lúc mưa phùn gió lạnh. Khúm núm bước vào. Trong nhà, quanh một chiếc bàn gỗ ngang ly chén, ngất ngễ trên mấy chiếc ghế tó-né, hai cậu ăn mặc bảnh bao đương đối trao câu chuyện. Thình lình, ở trong vọt ra một cậu thiếu-niên, lên giọng gắt gỏng hỏi người ăn mày:

— Mày tới đây làm gì? Ê đi ra cho mau!

Trên cặp môi xanh lét, người ăn mày hờ ra mấy lời:

— Xin... thầy... cho,, khờ... quá!

Cậu kia dõ quạu, nhảy xuống thêm, xắn lại, cho một đá tiếp theo một đấm rất mạnh vào người khốn nạn. Người ăn mày, sức đã yếu, hơi đã mòn, chịu không nổi mấy cái đấm đá của kẻ vô-phu, rú lên mấy tiếng, sắp ngã gục xuống đất. Cậu kia thì hùng, còn xông đến tính đánh nữa. Người ăn mày biết mình thế có sức yếu, đành kéo gậy bước ra, vừa đi vừa khóc, trông rất thương tâm!

Tôi được mục-kích cái thảm trạng ấy, không lẽ làm ngơ, có mấy lời trên báo, mong rằng mấy kẻ có thủ-đoạn tàn-ác kia nên bỏ hẳn đi thì mới phải là giống người được.

Lê-thị-Biêu

(NB-Học-Sanh Nha-Trang)

MỘT TIẾNG « Ừ » CÔNG ĐÚ, CẦN GÌ PHẢI NÓI?

Trong chốc em có chị Lập-Hiến nghe Thảo-Mai phiên hà mấy ông nghị-viên sao ỉ lụn bàn ở nơi nghị-trường thì chỉ viện lẽ mà bình mấy ông rằng: Mấy ông nghị cần gì nói, biết tiếng « ừ » hoặc biết dơ tay lên là đủ.

Còn nói hay, nói dở là ẩn thua ở mấy ông đầu đọc như ông Chiêu, ông Long vân vân... Hễ các ông đầu đọc bằng lòng thì hết thấy bằng lòng; các ông không chịu thì hết thấy không chịu.

Mới nghe thì ai không bảo lý sự chị này cứng dừ, nhưng Thảo-mai đã để chịu đầu!

Nói như chị vậy thì làm làm, hãy nói thì dụ mà nghe: một cái nhà cất có 12 cây cột thì cây nào cũng phải cứng, có sức chịu hết mới được, chứ trong 12 cây mà hết mười cây cột mục, còn có 2 cây chống chỏi thì cái nhà đứng làm sao cho vững được?

Còn nói trắng ra thì ông Chiêu ông Long không phải là Thần là Thánh gì mà không làm; nếu có điều chi hai ông ấy làm thì là quốc-dân phải chịu thiệt. Hay là khi đến kỳ hội, ông Chiêu mắc đi Cạnh-Đền, ông Long mắc bệnh, thì chừng đó mấy ông nghị ta mới dựa vào đâu?

Lại ở nghị-trường là nơi phải cần sự biện bác cho linh hoạt; trong dăng mình lỡ có ông nào nói sớ hoặc không viện được rõ lẽ cho cái thuyết nào thì trong anh em phải có người ứng tiếp, che chở ngay...

Nghị-trường ở đây, thế lực của ta đã kém, mà hơn-tài lại lựa chọn một cách câu-thả bơ-thờ như vậy thì còn trông mong nổi gì?

Phải vậy không chị?

Chị đừng có bày cái mốt cặp kẻ đó nữa nghe hôn!

THẢO-MAI

Ở Hanói có ông Nguyễn-Lê đốc-học trường Thê-dục còn ở Saigon thì có ông Triệu-v-Yên hội-trưởng hội Annam Thê-thảo; Nam, Bắc một lòng, sốt sắng lo lập sân banh vợt cho Phụ-nữ

Muốn cho mau có tiền đăng làm công việc ích lợi này, trường Thê-dục ở Hanói thì lo tổ-chức chợ Phiên, còn hội Annam Thê-thảo Saigon thì lo bày cuộc hát tại rạp hát Tây.

Anh em chị em đồng-bào, kẻ của, người công, hãy nên hết lòng phụ giúp!

Bài của Việt-Nam Ngân - Hàng cạy đặng

Bổn-báo tiếp được bài này của Công-ty Việt-Nam Ngân-Hàng xin đăng, vậy chúng tôi đăng nguyên-văn ra đây :

1. Về tiếng phong văn kích bác ông Pháp-dinh tổng-ty công-ty Lê-văn-Gồng. — Mới đây tiếng đồn vang kích bác ông Lê-văn-Gồng về sự công-ty chúng tôi cho ra một tờ bạc là \$ 10.000 mà ông xin và chịu bảo lãnh, để cầm giá cổ phần công-ty. Người ta nói rằng không biết chừng M. Gồng đã dùng số tiền đó để trả \$ 10.000 cổ-chẩn mà chiếu theo điều-lệ, ông phải hôn vô Hội.

Hai công chuyện làm trên đây khác nhau xa, bởi vì số bạc \$ 10.000 M. Gồng phải hôn vô hội đó, M. Gồng đã đóng tất ngày 10 tây tháng ba năm 1927, còn số tiền \$ 10.000 Công-ty cho lấy ra lần lần đây mới khởi sự từ bữa 25 tây tháng mười một năm 1929, nghĩa là hai năm rưỡi sau; và lại trong lúc Hội cho lấy ra số bạc này, bây giờ đây đã trả tất rồi, trong từ hội có đề \$ 10.000 cổ-phần, của bảo chứng của M. Lê-văn-Gồng, và những cổ-phần mua lại của bá-tánh đúng giá với số bạc đã lấy ra.

Cũng bởi M. Lê-văn-Gồng muốn giữ quyền lợi của công-ty và sau khi đã hỏi ý-kiến của ban Trĩ-sự rồi, M. Gồng nhảm không nên tư-vị một vài ông thiếu nợ trả trễ nên mới có tiếng phong văn đâm tiểu M. Gồng ngày nay đây. Thật cũng tiếc vì lo hết phận sự mà mấy người thiếu nợ do oán hơn bày lời gay-gắt, đối trả nói xa nói gần không chỉ đích xác, và người cao rao lại dấu danh tánh hết.

Chúng tôi tin cậy tánh ngay thẳng và tài nghề hay của M. Lê-văn-Gồng và ông đã giúp trong ba năm nay làm cho công-ty Việt-Nam Ngân-Hàng được thanh vượng.

2. Về khoản công chuyện của ban Trĩ-sự làm với công-ty. — Muốn giúp thêm lời cho công-ty Việt-Nam Ngân-Hàng nên hội-viên ở ban Trĩ-sự có vay chút đĩnh của Hội (chớ có thể vay chỗ khác trả lời nhẹ hơn) hay là có đứng bảo lãnh cho người khác vay. Về sự ký tên bảo lãnh đây, hội-viên ở ban Trĩ-sự đã không có lấy huê hồng chi hết mà lại còn phải bị trả thế \$ 8.300 — rồi đây còn ông khác phải bị mất tới \$ 500 trong số tiền đứng bảo lãnh cho người ta nữa.

Nhảm bây giờ đây công-ty V.N.N.H. hơi thanh-vượng và ban hàng cũng khá đông, tiền cho vay ra cũng dễ, chúng ta nên kể từ đây tuyệt hẳn không vay mà cũng không đứng bảo lãnh cho ai vay ở công-ty hết.

Nhiều người muốn phá hoại nên nói rằng không chừng ban Trĩ-sự công-ty làm quyền, sự thiệt thì chỉ chúng tôi muốn làm việc hữu ích cho hội và giúp cho người tới vay mà thôi, chẳng hề nhận huê-hồng mà phải chịu trách-nhiệm « nợ lãnh nợ mình » như ai. Trong lời nghị định này chúng tôi tỏ bày sự thật của chúng tôi vậy.

3. Lời hứa của ban Trĩ-sự công-ty « Việt-Nam Ngân-Hàng » với những ông gửi bạc và chủ nợ của hội. — Hội-viên ở ban Trĩ-sự công-ty Việt-Nam Ngân-Hàng hết sức tin cậy trong tương-lai của hội, nên đứng chung chịu lấy sự nghiệp nhà để bảo lãnh trả cho người gửi bạc hay là chủ nợ của công-ty nếu tiền của hội không đủ trả tất. Hội-viên thôi làm hay là miễn hạn cũng còn chịu bảo

KHOA-HỌC TÂN-VĂN

LỜI RAO CẦN

Dân Kontum (có bài kỹ-thuật đăng trong số này) xây nhà, quét tường trắng, bằng một thứ đất kêu là « đất vôi », màu đất không kém vôi chút nào mà lại láng mặt hơn. Xét kỹ ra, đất này không nong bằng vôi, vậy có thể làm phấn viết bảng, phấn đánh nón được v. v. Chúng tôi ra công tìm kiếm được khoáng đất khá rộng, đào lên lấy được đất trắng mà lại ở gần ngay Kontum. Cách vận-tải dễ dàng tiện-lợi lắm. Ông bà nào có chí lập nghiệp làm phấn (tôi nói là làm phấn, nhưng có lẽ làm đồ gốm, lấy đất này, dùng cũng như kaolin; kaolin là đất có đá (granit) mà ra, song đất này về hạng đất thó thì phải (argile) nên tôi chưa dám nói chắc là kaolin hay *chaux maigre*. *Kaolin* = altération du feldspath; *chaux* = protoxyde de calcium). Xin nhắc ông bà nào muốn lập nghiệp làm phấn, nên viết thư ngay cho chúng tôi, đề bao :

M. NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

VILLA DES NARCISSSES

ROUTE DE NGOC-HA

(Case postale No 7) HANOI

Tôi sẽ sẵn lòng chỉ dẫn và gửi tặng échantillon đất đó để thí-nghiệm thử coi.

Hiện bây giờ ở đây thiếu vật-liệu thí-nghiệm, nên tôi phải gửi thư đất quý-hóa đó về Hanoi, nhờ các nhà chuyên-môn phân chất. Khi nào có kết-quả sẽ đăng lên báo.

Đất-Đỏ ngày 12 tháng mười 1930

Nguyễn-Đức-Quỳnh



lãnh cho tới ngày công chuyện của mấy ông làm lúc còn đương quyền trả xong xuôi hết đã. Nhưng mà nếu hội-viên rồi chết thì con cháu mới không có bảo-lãnh nữa.

Ban Trĩ-sự công-ty « Việt-Nam Ngân-Hàng »

MM. Trương-lấn-Vi, Nguyễn-lấn-Vân, Ngô-trung-Tin, Dr. Trần-như-Lân, P. Nguyễn-văn-Thom, Nguyễn-hu-Do, Võ-hà-Trí.

GẦN ĐÂY TRONG NƯỚC CÓ NHỮNG VIỆC GÌ

Trong một tuần-lẽ nay, kể đại-khải thì tình-hình trong nước được yên-lĩnh, chớ không rối ren như mấy lúc trước. Nghệ Tĩnh cũng vậy. Chỉ trừ ra đêm bữa 26 tháng trước, ở Nghệ-an cũng còn xảy ra một vụ lộn xộn : Đêm bữa đó có một đám dân bạo-dộng chừng năm sáu trăm người, kéo nhau tới một chỗ, cách phủ-lỵ Diên-Châu 12 cây số, toan sự cướp phá, nhưng ông phủ Diên-Châu hay tin đem lính đi đàn áp, lại có lính lê-dương tiếp tới nữa, nên giải-lan được đám biểu-tình ấy. Ở Nghệ bây giờ, đạo binh của ông Petit cai-quản, vẫn đi tuần-tiểu và thu-phục các làng, vì cũng còn có ít làng theo cộng-sân chưa chịu đầu phục. Còn bốn cô con gái nhà khá ở tỉnh-thành Nghệ-an, bữa 2 Octobre, bỏ nhà đi theo dân bạo-dộng, — theo như tin của báo *Thanh Nghệ Tĩnh* đã đăng, — lại có viết thư để lại nói sự-tình và từ biệt cha mẹ, làm cho cha mẹ lo sợ, phải đi trình cơ báo quan, thì mới rồi có tin rằng bốn cô ấy đã trở về nhà rồi.

Ngoài Bắc ta cuối tháng trước cũng có nhiều chuyện lộn xộn. Phía dân thì có đám biểu-tình ở Thái-Binh, có truyền-đơn rải chỗ này chỗ kia, ở Hải-phong họ lại rải trước cửa trường học; còn trường Kỹ-nghệ ở Hanoi, cũng có một đảng-bộ cộng-sân lập ra ở trong, nhưng bị sở mật-thăm phát-giác ra, nhiều người bị bắt. Còn về phía chánh-phủ vẫn ra sức tiêu-trừ cộng-sân dữ lắm; không có mấy ngày là không thấy nói bắt được đám này đám kia. Về Hội-dồng Đệ-hình, trước kia đã tỉnh nhóm ngày 20 Octobre, sau hoãn lại ngày 29 Octobre, rồi sau lại hoãn nữa, là vì dịp lễ Toussaint, kể tới lễ nhinh-tiếp quan Toàn-quyền Ấn-độ Hòa-Lan, và lễ Đình-Chiến, thành ra Hội-dồng chưa nhóm được. Có lẽ tới 15 Novembre thì mới khởi sự.

Thời-cuộc Nam-kỳ ta cũng không có việc gì mới lạ hơn là những việc tróc-nã cộng-sân. Bữa chiều chúa nhật 26 Octobre, ở góc đường Lagrandière và Verdun, xảy ra một việc lạ lùng khó hiểu. Sáng sớm bữa ấy, sở mật-thăm đã bắt được truyền-đơn của bọn cộng-sân hẹn nhau tới 5 giờ chiều thì nhóm ở miếng đất trống đó, nên chỉ sở mật-thăm đã dự bị trước. Tới giờ, có mấy đảng-viên cộng-sân vừa mới trưng cờ và khiêng bàn ra định leo lên điện-thuyết, thì

lính vừa áp tới bắt được lối 20 người. Trong số người bị bắt đó, có nhiều học-sanh trường Huỳnh Công-Phát, không biết là dự vào đám kia, hay là đi coi chơi mà thôi. Vụ đó có ảnh-hưởng tới trường Huỳnh-công-Phát, là học-jrở ở trường, thấy anh em đồng học bị bắt, thì cùng nhau xin ông đốc minh oan cho và lo com nước cho những người ấy. Nhưng có lẽ ông đốc không làm vừa ý học-sanh, nên chỉ sáng thứ hai 27 Octobre thì có hai lớp trên rủ nhau bãi học. Chuyện ấy chưa lạ bao nhiêu, lạ hơn hết là ông giáo-sư Nguyễn-văn-Quế — dạy trường Huỳnh-Khương-Ninh — làm đơn tố-cáo với quan biện-lý rằng sáng bữa chúa nhật nói trên đây, có ai không biết, mượn tên ông, rải truyền-đơn mời người ta chiều lại miếng đất trống ở đầu đường Lagrandière nghe ông diễn-thuyết về cuộc tuyển-cử nghị-viên Quận-hạt; ấy là một chuyện người ta lén xằng, chớ ông không biết tới. Lại thay thay ! Chuyện này là cuộc cộng-sân âm-mưu gì thiệt, hay là một lần tuồng tuyển-cử mà thôi. Ngày thứ ba 28, quan bồi-thẩm lấy khai, đã thả 5 người học-sanh trường H. C. Phát ra, vì ngài xét là vô can.

Chắc hẳn vì thấy lâu nay trong xứ có nhiều việc lộn xộn xảy ra ở giữa chủ-hàng và thợ thuyền làm công, nên chỉ nhà nước mới lập ra ở Saigon một ban Ủy-viên hòa-giải (Commission de Conciliation), để cho chủ và thợ có việc gì xích mích với nhau, thì đem tới trước hội-dồng ấy mà kiện; hội-dồng sẽ tìm cách điều-đinh hòa-giải cho cả hai bên. Ban Ủy-viên ấy có quyền xét xử những việc xảy ra ở Saigon, Cholon và Gia-dinh mà thôi. Song những việc xảy ra ở nội địa Nam-kỳ, mà hai bên nguyên bị muốn đem nhau ra trước ban Ủy-viên hòa-giải ở Saigon cũng được. Ban Ủy-viên ấy lập ra ở ngay tòa Táp-tụng (Justice de Paix) ở đường Charner. Ban Ủy-viên gồm có ba người : Quan chánh tòa Táp-tụng hay là một quan tòa khác thay mặt ngài làm chủ tọa, rồi tới hai viên phụ-thẩm : một người chủ băng và một người làm công hay người làm thợ. Trước hết Chánh-phủ bày thí-nghiệm lập ra ban Ủy-viên hòa-giải như thế, nếu xem ra có kết-quả tốt thì rồi đây sẽ lập ra ban Ủy-viên phân-xử, có quyền như các tòa án Lao-dộng (Conseil de Prud'homme) bên Tây vậy.

VÌ TÌNH NÊN PHẢI LIỀU THÂN

Ấy là bộ đĩa BÉKA
của cô ba Xuân mới lại

Đại lý: S^{te} Indochinoise d'Importation
59 Bd Charner, SAIGON

LỜI RAO CẦN KÍP

Kính cùng chư quý-vị đáng rõ, những truyện của chúng tôi đăng trong các báo, hừa bán 8 xu một cuốn, nay thỉnh linh giá giấy tăng lên gần bằng hai hồi trước, nên ép lòng chúng tôi phải tăng lên một các mỗi cuốn, kể từ ngày 1^{er} Septembre 1930, trừ ra bộ Nhạc-Phi thì chúng tôi bán y giá 8 xu. Chớ chi giá này đừng tăng lên thì cũng bán 8 xu, miễn là cho đủ tiền giấy và tiền công cho thợ thì thôi.

Chúng tôi giữ một lòng thành thật, là những truyện của nhà in chúng tôi in ra, khi trước sao, thì bây giờ chúng tôi cũng in lại y vậy, chẳng thêm bớt chữ nào, mỗi cuốn truyện của chúng tôi in, thì 48 hay 52 trang, chớ chẳng phải như mấy nhà khác, họ giục lợi họ bớt truyện lại còn 30 hay 32 trang mà thôi, bởi họ bán có 8 xu tính ra bộ truyện của họ bớt hết một phần, nên vậy thì bộ truyện còn gì là giá-trị. Vậy xin chư quý-vị chớ tưởng rẻ mà lăm truyện thiếu. Quý-vị có mua truyện xin coi ngoài bìa truyện mỗi cuốn có tên con tôi Cosme NGUYỄN-VĂN-TÀI thì khỏi lăm truyện thiếu.

Sau này xin chư quý-vị phải lưu-ý cho lắm, vì những người đi bán dạo, là những người bán qua đường, một lần họ đi bán hai ba tháng họ mới về, có nhiều cuốn sách nhà nước cấm, mà họ mắc đi bán, có coi Nhứt-trình đâu mà biết, cho nên họ bán cần, nếu chư quý-vị không biết mà mua lăm, sau đó bẻ ra, mình phải bị Tòa đòi lên đòi xuống thì mất công lời thôi lăm; chỉ bằng muốn coi sách vở xin gởi thư ngay cho tiệm tôi mà mua, sau có điều chi tôi xin bảo-lãnh hết, vì nhà in tôi đã lập trên 30 năm rồi, buôn bán chắc chắn, giá lại rẻ hơn các nơi khác.

Nay kính J. NGUYỄN-VĂN-VIỆT ET FILS—85, 87 Rue D'Ormay—SAIGON

AI-TÌNH TIÊU-THUYẾT



MẠNH TRĂNG THU

Soạn-giả : B.-Đ.

Minh-Châu đứng ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói :
« Lúc trước tôi cũng lăm như nhiều người khác, nghĩ cho tình-nhơn của Kiều-Tiên làm sự ấy, nhưng nay nghe ông nói rõ đầu đuôi thì tôi mới hiểu và tỉnh ngộ. »

Hai chàng về đến nhà, Minh-Đường lấy mấy bức thơ của Kiều-Tiên đưa ra cho Minh-Châu xem và nói thêm rằng : « Ông xem hết tập thơ này thì mới biết Kiều-Tiên không phải như hạng gái tầm thường. Kiều-Tiên thật là một người có nết na, đức hạnh rất đáng kính. »

Minh-Châu không nói gì, ngồi xem tập thơ rồi cười mà rằng : « Quả thật như thế, nàng là một người có tình nhưng tình cao thượng... Vậy từ lúc ông về, ông có tìm ra được tông tích nàng không ? »

— « Tôi chưa tìm được nhưng tôi nghe những lời của Thành-Trai nói ở nhà thương thì tôi đoán rằng Thành-Trai có gặp Kiều-Tiên. Cũng vì có gặp nên mới chủ ý khám phá vụ án mạng bí mật này để cứu vớt danh giá cho Kiều-Tiên. Tôi chỉ mong cho chàng sớm ra khám mà thôi. »

Minh-Châu gật đầu khen phải... Minh-Đường lại nói : « Bây giờ tôi xin ông lo về việc Thành-Trai, để tôi đi về Vinh-Long dò thám, như thế thì khỏi mất thì giờ... Và tôi dặn ông một điều này, là ông nên về ở căn phố đây để cho một đứa thú-hạ của tôi tin cậy khỏi phải thất lạc. Nếu nay mai gì có đưa đến xưng là Tám-Lộ thì ông nên tin dùng nó vì nó chơn-thành lắm. »

— Làm sao mà biết rõ nó ?

— Dễ lắm. Ông cứ đứng ngay đây, bảo nó lấy tay đỡ ông lên khỏi đầu, như đỡ được thì chính là nó mà nếu không được thì tức là đứa giả mạo.

— Cách thử ấy cũng kỳ khôi ! Thôi được. Ông cứ yên tâm mà đi để tôi lo cho Thành-Trai.

À, còn một điều này nữa... Tôi đã cậy trọng sư Ronin lo việc tử tụng.

— Vâng, mà ông tính chừng nào thì đi ?

— Khuya này. Bây giờ ông nên đi lấy đồ lại đây cho tiện.

Minh-Châu nghe theo, lên xe đi với Minh-Đường về nhà ngủ, dọn đồ lại... Anh em cùng nhau trò chuyện, tâm đầu ý hiệp, mãi đến khuya mới đi nghỉ... Năm giờ sáng thì Minh-Đường đã dậy từ giả bạn mà lên xe về Vinhlong.

Gió thổi hắt hiu, lá rụng lác đác, trời u ám, cảnh buồn tẻ, ngoài sân chỉ mấy con chim con nháy trên cây diệp, trong nhà chỉ một con chó già nằm dưới cái ghế mây... Chim vô tình kêu thánh thót, chó hữu ý ngán ngờ ; Kiều-Nga ngồi một mình bên cửa mà thêu mà một gối... Mỗi kim luồn đường chỉ, qua qua, lại lại, bỗng chốc bàn tay dịu dàng dừng lại... Kim gãy, rồi ! Kiều-Nga cầm cây kim gãy mà thở dài... Nàng biết vì đâu mà đau lòng, vì đâu mà gãy kim, nhưng nghĩ khó bề than thở. Nàng buồn quá, toan đứng dậy thì thấy con Sư-tử nhẩy ra, sủa dở lên một tiếng, nàng vội vàng chạy theo kêu nó lại thì xe hơi Minh-Đường đã ngừng. Nàng tay giữ con Sư-tử mà mắt thì ngó ra ngoài... Lòng những ước thầm cho cái tiếng sủa của con chó già, tiếng kèn của cái xe hơi xa đem cái tin mừng lại cho nàng. Nàng thấy lấp ló cái hình dạng Minh-Đường, nàng ngỡ là Thành-Trai, lòng nàng hồi hộp vui mừng... Một chốc sự vui mừng ấy hóa ra sự đau đớn vì nàng thấy không phải Thành-Trai mà lại là một người lạ... Nàng lấy vật áo lau mặt, làm bộ vô-sự... Minh-Đường đi thùng thình, ngó trước ngó sau, bước vào đến cửa lấy tay gõ : « Cốc cốc cốc. »

Kiều-Nga nói : « Ai đó, cứ vào ! »

Fumez le JOB

Fumez le JOB

Minh-Đường bước vào chào mà rằng: « Xin phép hỏi cô, chẳng hay bà có nhà không? »

Kiều-Nga thò thẻ đáp: « Má em đi thăm người bà con chưa về, mời thầy ngồi. »

— Không biết chừng nào bà mới về?..

— Thưa, chiều mà em mới về. Thầy ngồi chơi.

Đưa ở bưng nước trà lên, Kiều-Nga rót một tách rồi nói: « Thầy muốn gặp má em, có chuyện gì chẳng? Nếu có việc cần kíp thì xin thầy cứ cho em hay, má em về em sẽ thưa lại. »

Minh-Đường nhìn Kiều-Nga, ngồi gần một hồi rồi nói: « Thôi, tôi xin ra ngoài đợi đến chiều rồi tôi sẽ trở lại... Cô làm ơn chỉ nhà ông hương-hào Sung cho tôi một chút. »

Kiều-Nga ngó Minh-Đường một cách ngạc nhiên rồi nói: « Thầy đi lên phía trên kia, cách đây chừng vài cây số, có một sở nhà dựa đường, ngoài cửa có cây dương-liễu thì là nhà hương-hào Sung đó. »

Minh-Đường cảm ơn lui ra, rồi lên xe thẳng đến nhà Nguyễn Viết-Sung. Chàng thấy dáng điệu Kiều-Nga này cũng hơi giống như dáng điệu Kiều-Nga kia thì chàng nghĩ thầm rằng: « Là quá, con dứa nham hiểm sát hơn kia mà sao xinh đẹp tuyệt trần, lại nói năng dịu dàng có khuôn phép lắm. Thiệt là mẹ củ dẻ con tiên! Ta cũng nên tiếc cho một người con gái như thế mà sao cha để lại ghê gớm như thế kia. Nếu có một ngày mà nàng biết câu chuyện ấy thì nàng mới tính sao? Tôi nghiệp quá, cái kiếp con người sao gặp lắm sự éo le như thế! »

Chàng chưa nghĩ hết câu chuyện thì đã đến trước cửa ngõ có cây dương-liễu rồi. Chàng xuống xe kêu cửa; trong nhà có một đứa nhỏ chạy ra mở... Chàng theo nó vào trong thì thấy một người mặt mày chăm lắm, râu mép đen rậm, đứng chờ ở trước thềm. Chàng định chắc là Nguyễn-Viết-Sung, nên chào: « Tôi muốn hỏi thăm ông Hương, không biết phải đây không? »

Nguyễn-Viết-Sung gật đầu đáp: « Phải, mời

thầy vào... Trễ đâu pha nước, bay... Mời thầy ngồi. »

Minh-Đường ngồi trên một cái ghế mây gần một cái bàn tròn bằng trắc, ngó chung quanh thấy liền đối treo đầy. Trong nhà chưng dọn cũng sang lắm. Chàng không thiết gì cái tử sao lồng kiếng, cái bộ ván gỗ láng ngời, chàng chỉ để ý xem thử có gì bí mật chẳng... Mà không có gì làm cho chàng phải để ý cả.

Nguyễn-Viết-Sung hỏi: « Thầy ở đâu lại chơi, và có việc gì không? »

Minh-Đường ngó vào hai con mắt Nguyễn-Viết-Sung mà đáp rằng: « Tôi ở Cầu-Ngang, con của ông cai-tổng Phú... Tôi có một việc muốn đến cậy ông giúp, tánh tôi thiệt lắm, muốn nói ngay, xin ông chờ chấp sự sở sàng của tôi. »

— Không sao, tuy chưa quen biết nhưng tôi ít hay từ chối với ai... thầy cứ nói... »

— Nếu được vậy thì tôi may lắm... Bấy lâu nay tôi có nghe rằng nhà bà Phan Trần ở đây phước đức lắm, mà bà có một người con gái nhan sắc mặn mà và có nết na, tôi vì chưa quen nên tôi nhờ ông làm ơn giới-thiệu giùm.

Nguyễn-Viết-Sung nghe nói là con ông cai-tổng Phú thì biết là nhà giàu có lớn nhất ở hạt Traviên nên có bụng mừng mà đáp rằng: « Điều đó thì quả như vậy, nhưng vì sao mà thầy biết tôi quen với nhà bà Phan? »

Minh-Đường cười rằng: « Tôi có hỏi thăm nhiều người ở đây, họ nói rằng nhà ông thân mật với nhà ấy, nên tôi mới đánh liều đến đây tỏ thiệt tâm sự với ông. Cha mẹ tôi đã tính đi nói nhiều nơi mà tôi chưa chịu nơi nào hết; tôi còn muốn chọn lựa. Nếu ông giúp tôi được thì tôi không dám quên ơn. »

Nguyễn-Viết-Sung nói: « Tuy tôi chưa biết cậu lần nào nhưng tôi cũng không muốn từ chối... Song có một điều rất khó là con gái bà ấy chỉ muốn người có tài học mà thôi. Không thiết gì con nhà giàu, vì cô ấy con một, mà gia tài lớn

Nhung đen, nhung xanh dương và
nhung hai da, tốt nhất hạng,
mới lại tới kỳ tàu này.

Hiệu: NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN
42, Rue Catinat - SAIGON

lắm, tới mấy trăm ngàn. »

Minh-Đường cười rằng: « Tôi không giàu giòng tôi không phải muốn đem cái giàu lúa ruộng, tiền bạc mà khoe đâu, tôi chỉ muốn đem cái tài học mà kén vợ thôi. Tôi đã đậu Bắc-vật rồi. »

— Nếu được vậy thì chắc là tôi giúp xong, nhưng tôi chỉ muốn có ông bà lên nói một lời thì hơn.

— Tôi vẫn biết như thế, nhưng tôi muốn tự tôi chọn lựa trước, nếu vừa ý rồi tôi sẽ thưa với cha mẹ tôi sau. Tôi cũng là con cưng nên cha mẹ tôi cho tôi cái quyền ấy. Mà tôi nghe rằng bà Phan có hai người con gái kia mà!

— Phải, nhưng bây giờ chỉ còn có một mà thôi. Người con gái lớn đã trốn biệt tích từ lúc chồng chết rồi.

Minh-Đường giả dờ lấy làm lạ, ngó Nguyễn-Viết-Sung mà hỏi: « Con gái nhà nề nếp mà sao lại bỏ trốn đi đâu, chồng chết thì phải ở nhà thủ tiết chứ! Nếu vậy thì tiếng đồn có lẽ sai chăng? »

— Không, nhà ấy quả là hiền đức nhưng chàng rể không phải chết tự nhiên... Chàng bị người ta ám-hại.

— Bị ám-hại bởi nào vậy?

— Trong đêm động phòng.

— Rồi người vợ lại đi đâu, và đi nhằm lúc nào?

— Cũng trong đêm ấy!

— Là thật! Chồng chết trong đêm ấy, mà vợ cũng trốn mất trong đêm ấy, thế thì chắc là chồng bị vợ ám hại chứ ai... Nhà như thế mà gọi là hiền đức thì hiền đức nổi gì? Tôi xin kiếu... Cảm ơn ông.

Nguyễn-Viết-Sung thấy Minh-Đường muốn về thì cầm lại mà rằng: « Cậu ngồi nắng lại chơi, đi đâu mà lật đặt quá vậy? Nhà ấy hiền đức thật, lời ấy không phải hư truyền đâu. »

Minh-Đường làm bộ thờ ra, ngồi lặc đầu: « Tôi tưởng chắc là gặp nơi xứng đáng, té ra cũng không được toại lòng. Chị sao thì em vậy chứ khác gì... Mà cái ầu mạng ấy đã có ai tìm ra chưa? »

— Chưa! Khó tìm ra lắm vì mờ-ám vô cùng. Người con gái nhỏ này hiền hậu lắm, không phải như người chị đâu.

— Ông vừa mới nói rằng nhà ấy hiền-đức mà nay trong hai con lại một người vậy một người khác là sao?

— Mười ngón tay còn có ngón ngắn ngón dài thay, huống chi chị em trong nhà, có bao giờ tánh ý giống nhau hết được?

Fumez le JOB

Vừa đúng mùa lạnh

Bồn hiệu mới đặt dệt riêng một thứ nỉ đen (dạ đen) vừa mỏng vừa đẹp để cho quý bà quý cô may áo dùng trong mùa lạnh. Thứ nỉ này thiết đen và mượt như nhung, trông tốt lắm mà giá lại rẻ.

Một áo giá 11 \$ 00.

Thứ Thượng hảo hạng giá: 14 \$

Phụ thêm tiền gởi 0 \$ 50.

(Mỗi áo là 3m30 bề khổ 0m70)

Nhà bán hàng lụa

NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN

42, rue Catinat - SAIGON

PEPTO KOLA ROBIN

(Peptone, Glycérophosphate et Kola)

Nếu các ngài muốn giữ được sức lực của các ngài về đường thể-thảo thì thường thường phải dùng một ve rượu bổ này, nó sẽ làm cho các ngài được nở nang gân cốt cùng các thớ bắp thịt, và tránh khỏi được những chứng bệnh đau trái tim, sanh ra bởi sự thờ hững hờ trong khi luyện tập.

Các nơi nhà thuốc có bán

Hãy nhớ nài cho được hiệu

LABORATOIRES M^{re} ROBIN

13, rue de Poissy Paris

Và hãy đừng thềm dùng những đồ giả

— Vậy thì đối với vụ án-mạng ấy ông nghĩ thế nào?

— Tôi tưởng là có ai thù hằn gì nên họ mới nhơn lúc lộn xộn mà ra tay. Việc ấy đã lâu quá rồi, không mấy ai nhắc lại nữa.

— Vậy thì trong đêm đó có ông ở nhà ấy không? Câu hỏi rất thình lình ấy làm cho Nguyễn Viết-Sung sửng sốt, ngồi đặng một lúc mới đáp: « Không. »

— Ông là người thân-mật trong nhà, sao đêm ấy lại không có ở đó?

— Đêm ấy tôi đau nên không lại được.

— Uống quá! Nếu có ông ở đó thì có lẽ biết được chút đỉnh về vụ án-mạng ấy. Sau đêm ấy ông có dò hỏi sự thể ra sao không?

— Tôi cũng hết sức dò hỏi nhưng mà mù mờ lắm, không rõ gì hết.

— Mà nếu bây giờ người con gái lớn của bà Phan trở về thì sao?

— Dầu có sống đi nữa cũng không dám ra mặt, vì tòa đã buộc cho nàng tội giết chồng rồi. Nếu ra mặt thì bị bắt liền.

Fumez le JOB

— Nếu vậy thì tất cả gia-tài đều về một tay cô em sao?

Câu hỏi này lại làm cho Nguyễn Viết-Sung giật mình. Giây phút mới làm bộ vẫn thuốc rồi cười mà rằng: « Lê thì vậy rồi, hễ chị chết thì em hưởng một mình chứ sao? »

Minh-Đường mỉm cười, đổi điều thuốc hút rồi nói thủng thẳng rằng: « Là lòng thiết! Tôi nghe chuyện này tôi không thể ngồi yên được. Câu chuyện sao mờ ám quá! Mà nếu như trong lúc trốn tránh, cô chị tìm ra kẻ gian-tế, đem ra trình tòa, đủ cả chứng cứ rồi trở về nhà thì sao? »

(Còn nữa)



Trần-duy-Bình

N° 42 Boulevard Charner Saigon

Làm trưởng, liễn, chẩn, về việc hiếu hĩ.

Trong nhà có người nho-học cao-thâm, làm câu đối bằng chữ Hán và chữ quốc-ngữ, quý-khách khỏi phải nhờ cậy người ngoài. — Chế-tạo các thứ nón kim-thời. — Khắc các thứ dấu, bia đá v. v. ...

Fumez le JOB

VIỆT-NAM CÔNG-TY

BẢO HIỂM XE HƠI

HỘI NẶC DANH, SỐ VỐN 200.000\$
Hội-quán ở số 54, 56 đường Pellerin — SAIGON
Dây thép tốt: ASSURANA — Dây thép nói: 748

1. — Bảo kê xe giá rẻ hơn hết.
 2. — Khi rủi ro bồi thường mau lắm.
- P. LÊ-VĂN-GỒNG

Muốn may bộ đồ cho thiết đứng:

Đội nón Feutre cho thiết đẹp:

Choàng áo mưa cho đúng

Kiểu Raglan: xin đến tiệm

TANG-KHANH-LONG

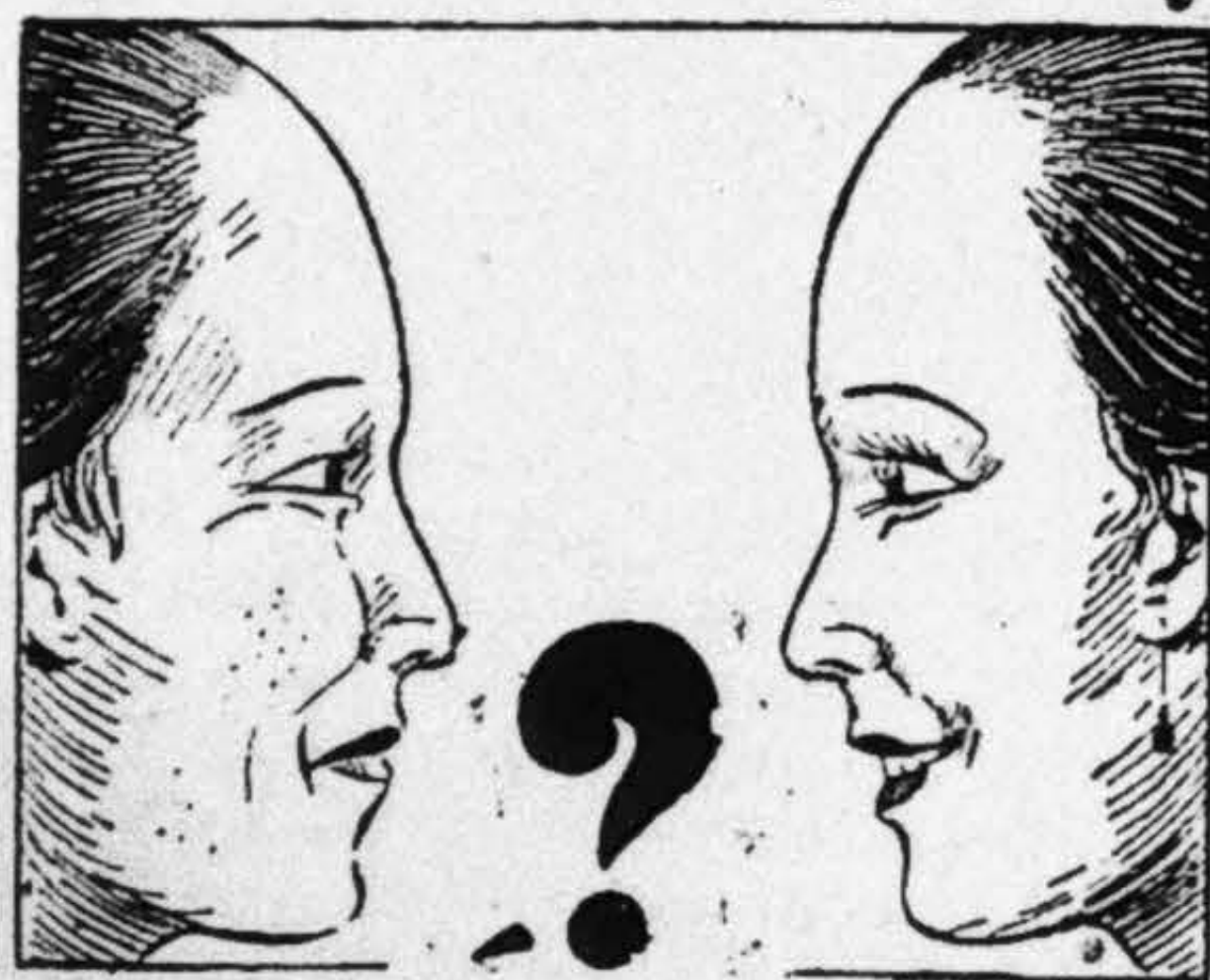
84 đường Bonnard Saigon.

Có GAI cắt may rất đúng đắn.

Bán đủ thứ nón kiêu tôi bán.

Và áo mưa áo lạnh của

Đàn bà. giá thiết rẻ.



Thưa các bà.

Nếu như mặt các bà có nút ruồi, có mụn, da mặt có lỗ nước da vàng và có mỡ xính rịn; tóc rụng, lông mi mắt không dày; mắt không sáng sủa v. v. ...

Muốn trờ những chứng đó, thì xin các bà dùng những dầu phấn của Viện-Mỹ-Nhơn « KEVA » chế ra.

Nhiều bà đã dùng thử, đều làm chứng cho là thần hiệu. Tôi xem không phải trả tiền. Ai xin catalogue, sẽ gửi cho không lấy tiền.

Viện-Mỹ-Nhơn Kéva
40, rue Chasseloup-Laubat Saigon



Tình mẹ con

Chuyện cây kim

Cô bé Huệ-Liên xinh lắm: má cô hồng, mặt cô trắng, môi cô đỏ, ai coi thấy cũng phải yêu. Có ngồi gần bà mẹ, cô may coi ra đáng người lớn; vải thật, kim chỉ thật, nhưng cô không bao giờ cho bà mẹ thất nút đầu chỉ lại.

Cô hỏi: « Thưa má chỉ có nút thì con may thế nào được? »

— Mẹ đáp: « Má may phải thất nút, con à. »

Bà mẹ không muốn nói dài dòng tại làm sao lại thất nút, bà chỉ tiếp rằng: « Má mỗi người một ý, người này may phải thất nút chỉ, người kia may không thất nút chỉ. »

Thưa má chỉ thất nút thì may vụng. Cô Huệ-Liên nói thế, rồi ngẩng mặt lên xem mẹ có nhìn mình không, thành ra kim đâm nhâm tay cô, nhưng không đau lắm. Nếu mẹ nói khéo thì cô cười, nếu mẹ nói không khéo thì cô khóc.

Cô không biết nên cười hay nên khóc, cô hỏi:

— Cái kim ác lắm phải không má?

— Không, kim rất đáng yêu (con à, con thử xem, kim muốn giốn con đó mà; kim muốn hỏi xin phép con vào tay con chơi đó mà, con phải nói với kim rằng: « Cô kim đáng yêu ơi, vô đi cô! »

Cô Huệ-Liên cười ồ lên, nói rằng: « Hay lắm, má! »

Thế rồi cô lại cầm cùi may, đợi cho kim lại đâm vào tay; khi kim sắp vào cô nói: « Cô kim đáng yêu ơi, vô đi cô! »

Mẹ nói: « Cứ như vậy thì con chẳng sợ gì đau đớn nữa. » Cô bé lại cười. Cô vui vẻ lắm; đến đôi cô chơi đại, lấy kim đâm vào tay.

Bỗng chốc có la lên một tiếng, ngón tay dơ lên, đưa đi đưa lại, giọt máu hồng chảy ra.

Bà mẹ vội vàng bắt tay rồi thổi đau cho cô; cô thì so vai rùng mình, có vẻ đau đớn, nhưng cô cũng gượng nói: « Cô kim đáng yêu ơi, vô đi cô! » Song nói chậm, bộ thì buồn mà cô không khóc.

HIỂN-NAM dịch

Nói năng phải đúng đắn

Khuyên em gái tên là Nghĩa

Này em Nghĩa, nghe lời chị dặn,
Khi nói năng đúng đắn nghiêm trang.
Không nên hấp-tấp, sỗ sàng;
Phải cho đứng mực, đàng hoàng, em nghe!

Trước lúc nói cần suy cho chín.
Nói bông lông thà nín còn hơn!

Với người trên chớ có lớn;
Gặp khi thất ý chẳng hờn giận ai.

Đừng theo thói dòng dài nhảm nhí;
Để người ta khi thị chề cười.

Mặt mày nghiêm-ngộ mà tươi,
Nhấn nhả, nhó nhó thêm đời họ khinh.

Cùng người trên thưa trình lễ phép;
Kẻ dưới ta, nỡ hẹp hòi sao?

Hàng hờn, giông-giác, thanh tao,
Em đêm, cả-quyết ai nào chẳng nghe?...
Em chớ có rụt rè, thỏ thẻ,

Không ra hơi như trẻ nhen ba.
Cũng đừng nhõng nhẽo, chua ngoa,

Múa tay, trợn mắt, coi ra diên đồ.
Những kẻ ấy là đồ vô giáo.

Muốn khoe khoang thông thạo giỏi giang.
Chẳng qua lỗ bước sai đàng.

Em ơi, nghe lấy làm trang thuộc lòng.

Vũ-dặng-Nghị

SÁCH HỮU ÍCH

Nên mua mà xem

do nhà in An-Hà Cũnho

Mấy ông Hương-chức đang giúp việc quan và mấy ông Điền-chủ nên mua để dành trong nhà, rất nên hữu dụng trong khi có việc.

Người ở đời một năm cho đến tới, sao cho khỏi có việc này, việc kia. Ấy lẽ tự nhiên ai tránh cho khỏi.

1. Vậy muốn biết phận sự Hương-chức phụ tá quan Biện-lý ra thế nào? Thì mua

“TUẦN TRA PHÁP LỆ” của ông Võ-văn-Thư
Giá mỗi cuốn 2\$00 — Phụ thêm liền gói. 0\$17

CHUYỆN VUI CHO NHI-ĐỒNG

Chuyện người có óc vàng

Thuở xưa, có một người có cái óc vàng. Thiệt cái óc toàn bằng vàng, mà là vàng y. Khi mới ra đời, thì nào là mẹ, nào là thầy thuốc, ai cũng đều nói rằng bề nào người cũng chết, vì cái đầu đã lớn mà lại nặng quá.

Nhưng mà người sống dặng, người lớn lên... Cũng bởi cái đầu nặng và lớn quá, cho nên người đi cũng như con lật đật, ngày tối té liên-miên. Như muốn đi phòng này qua phòng kia, thì cái đầu của người đụng chạm vô bàn ghế, không biết mấy chục lần mà kể. Ai thấy vậy mà chẳng thương tâm giùm cho người?

Một ngày kia, người ở trên thềm nhà vịn theo nấc thang mà xuống đất, vì đi không vững, cho nên phải lần từ trên xuống dưới, va đầu vào đá cứng-thạch; cái óc của người khua lon lon, nghe thanh như tiếng vàng. Ai nấy cũng đều tưởng rằng người phải chết, nhưng khi đó người dậy thì cha mẹ người thấy trên đầu có một cái vẩy không sáu chỉ lắm mà lại có thêm vài ba cục vàng nho nhỏ dính theo chân tóc. Vì vậy mà cha mẹ người mới biết rằng người có cái óc bằng vàng. Ôi! Còn có cái gì quý bằng!

Câu chuyện này giữ kín lắm: cho đến đời cậu có óc vàng đó cũng không hay rằng mình có cái hũ vàng trên đầu nữa! Cách ít bữa sau, cậu ta mới hỏi cha mẹ sao không cho ra đường chơi đùa với chúng bạn.

Người mẹ mới đáp rằng: « Đứa con cưng của mẹ ơi; cục vàng yêu quý của mẹ ơi! Nếu con ra đường thì người ta rình trộm con còn gì! Con mà bị thiên-hạ bắt thì mẹ phải chết chờ sống không dặng đầu con!»

Từ đó cậu ta cũng sợ thiên-hạ rình trộm mất đi nên rất vui lòng chơi một mình ở trong nhà, bỏ phòng này qua phòng kia, không nói tới ai nữa hết. Càng ngày càng lớn. Thấm thoát không hao lâu cậu ta đã được mười tám tuổi! Cha mẹ chừng đó mới tỏ thật rằng cậu có một cái đầu quý báu! Hai ông bà nói với cậu rằng: « Này con, cha mẹ nuôi con trong 18 năm trời, thật là cực nhọc. Cha mẹ vì con mà nay phải nghèo hèn. Vậy thì con nên lấy một chút ít vàng trên đầu của con cho cha mẹ đỡ ngại lúc này. Con có vui lòng hay không?»

Cậu không cãi chối chi hết, tức thì, lấy ngay được một cục vàng khá lớn mà dựng trước mặt mẹ, mà coi bỏ cậu dặc ý lắm. Nhưng từ đó cậu đã biết trên đầu mình có một cái gia-tài rất lớn nên mới tính nhiều chuyện viễn-vong, muốn cái này, muốn cái nọ, chẳng chứa trong óc không biết bao nhiêu là tư tưởng, bởi vậy cậu mới bỏ nhà ra đi dặng có phá tan cái kho vàng!

Cậu vừa được ra khỏi nhà, bước trên con đường viễn-vong, thì cậu phá vàng không biết bao nhiêu mà kể. Người ta chắc rằng cái gia-tài của cậu sẽ tiêu, vì ngồi không mà ăn, núi kia còn lở thay, huống gì cái đầu!! Thiệt vậy! Cái óc nó tiêu dần dần, nó tiêu rớt rồi chỉ còn có cái chết mà thôi.

Đương buổi cậu xài phí vô-lối, cậu lại dặt mình. Mà khi dặt mình ăn-năn thì cái kho vàng nó cũng tiêu gần hết. Cậu mới không dám xài phá nữa.

Trước kia, cậu xài to, chơi lớn, ngày nay cậu lại dỗi dưng. Cậu ở riêng một mình, làm lấy mà nuôi miệng. Cậu cần-kiệm lắm! Cậu rán tránh những tư-tưởng viễn-vong, rán quên những sự xài vô-lối lúc trước... Khốn thay! Trời chẳng chiều theo lòng người! Những chuyện bí-mật của cậu đều bị bạn của cậu biết dặng. Từ đây còn chi là cái đầu vàng!!

Vì vậy mà cậu mới biết rằng: bạn hữu chỉ quý nơi đồng tiền chứ không quý nơi hơn nghĩa.

Một đêm kia, cậu dặt mình thức giấc vì trên đầu đau đớn khó chịu. Cậu lật đật ngồi dậy thì thấy dưới ánh trăng khuya một người bạn của cậu vừa chạy, vừa giấu một vật gì ở trong túi áo mưa.

Ôi thôi, vàng không còn bao nhiêu mà lại bị người ta ăn cắp!...

(Còn tiếp)

Ở đâu bán lạnh tốt?

Lạnh đen là một thứ hàng thường dùng của ta, không có nhà nào là không dùng. Vậy mà kiếm lạnh tốt có dễ gì đâu?

Còn như không lựa chọn, mua nhầm lạnh xấu, nhuộm dối, về mặc ít ngày nó trở hoe hoe hoen-hoét, thấy mà phát ghét.

Muốn được lạnh tốt chỉ có đến hiệu: **NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN**, ở số 42 đường Catinal là có lạnh nhuộm tốt nhất, bán có bảo-lãnh.

Trường sanh bá bổ
đệ nhứt được thần

CỬU-LONG-HOÀN

của y-sĩ TRẦN MẠNH-TRÁT Tourane

Dùng để bổ sức, dưỡng lão, cầu tự.
Trị các chứng hoài gân, liệt âm dương, mất huyết, di tinh. Trị các bệnh thần kinh, đau tim, đau phổi. Các chứng hư nhược đều trừ. Nam phụ lão ấu trong nước thì nghiệm hơn một năm nay, có gởi lại mấy ngàn cái thơ mình tạ có in để phát.

Giá một hộp 10 hoàn 5 \$ 50
4 hoàn 2 50

Tổng đại-lý:

VÔ-ĐÌNH-DẪN được-phòng

155 bis, Charles Thomson, Cholon — Tél: 174

SOIERIES

Nguyễn-Đức-Nhuận

42, Rue Catinal. — Saigon

Ô trâu đồng bạch, đồng đỏ, vàng tây.

Gấm, lụa, hàng Thượng-Hải
hàng Bombay.

Hàng Tàu, hàng Lyon, hàng Nhứt-Bồn.

Lưới tàn ong thứ trôn và thứ
có bông đẹp lắm.

Nỉ mông đen mượt như nhung
dễ may áo dài.

Mền gấm tốt, may sẵn
cho các ông lão bà lão dưỡng già.

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

TÉLÉPHONE: 19
CHOLON

CHOLON — HANOI

TÉLÉPHONE: 806
HANOI

HAI TRĂM ĐỒNG BẠC THƯỜNG

Trần-Châu-Phân



Thư phần này بدن được-phòng hết công nghiên-cứu mới mới chế ra được. Dùng để thoa con nít, hoặc da mặt tàn-nhang, hoặc nóng nảy lở những mụn do do cùng mặt, hoặc mình may ngựa ngày, thì lấy phần này mà thoa cho thường vào may nơi ấy thì kiến-hiệu như thần. Bất kỳ già trẻ he dùng phần này mà theo cho thường, thì thấy da mặt được mịn màng và tươi tắn lắm.

Mỗi hộp giá. 0 \$ 80
12 hộp giá. 3 00

XIN LƯU Ý

Nếu ai bắt được người giả mạo thì xin chỉ rõ cho biết sẽ được thưởng 200 \$ 00.

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

46, Boulevard Tổng-độc Phụng. — CHOLON
Chi-điểm ở HANOI phố hàng đường, số 47

Le Directeur Gérant: **NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN**